

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHOA LUẬT**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI  
TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ  
VIỆT NAM- THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP**

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: GVC. TS ĐỖ THỊ MINH THƯ  
HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN: ĐỖ THỊ THÙY LIÊN  
MÃ SINH VIÊN: 1458300034  
LỚP: LKT 14 - 01**

**HÀ NỘI 2024**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHOA LUẬT**



**ĐỖ THỊ THÙY LIÊN**  
Lớp: LKT 14-01 khóa: K14

**TÊN ĐỀ TÀI**  
**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI**  
**TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ**  
**VIỆT NAM- THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP**  
**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: GVC. TS Đỗ Thị Minh Thư**  
Nơi thực hiện đề tài: Trường Đại học Đại Nam  
Thời gian thực hiện: từ 23/03/2024 đến 25/05/2024

**HÀ NỘI 2024**

## **LỜI CAM ĐOAN**

“Tôi cam đoan: Khóa luận tốt nghiệp này là kết quả nghiên cứu của riêng tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của TS Đỗ Thị Minh Thư, đảm bảo tính trung thực và tuân thủ các quy định về trích dẫn, chú thích tài liệu tham khảo. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này”.

## **XÁC NHẬN CỦA SINH VIÊN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## LỜI CẢM ƠN

Kính thưa thầy cô!

Sau 4 năm học tập và rèn luyện, bài báo cáo khóa luận tốt nghiệp này như là một bước đệm quan trọng trong việc áp dụng, tiếp thu kinh nghiệm thực tế của sinh viên cuối khóa. Và đạt được kết quả như hôm nay, lời đầu tiên em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình, sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô trường Đại học Đại Nam, đặc biệt là thầy cô Khoa Luật trong suốt quá trình học tập tại trường.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới cô Đỗ Thị Minh Thư. Là giảng viên trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập và thực hiện khóa luận. Em biết em còn rất nhiều sai sót, còn rất yếu về kiến thức nền tảng cũng như chuyên sâu nhưng cô đã luôn an ủi, động viên em ngay từ lúc ban đầu, có đôi khi em cũng làm cô bực vì làm bài chệnh mảng, nhưng cho dù vậy cô cũng chưa bao giờ ghét bỏ mà luôn âm thầm giúp đỡ, bảo ban em. Lời cảm ơn này của em là tình cảm em muốn dành cho cô ạ, và đặc biệt đó còn là sự tri ân sâu sắc của học trò đối với cô.

Đồng thời em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến lãnh đạo Khoa Luật trường Đại học Đại Nam đã dìu dắt, tiếp bước cho em ngay từ những chặng đường đầu tiên, qua đây em cũng xin được gửi lời cảm ơn tới các thầy cô giảng viên đã giảng dạy em, những người cha người mẹ thứ hai của em không chỉ cung cấp cho em kiến thức quý báu mà còn cho em thứ tình cảm quý giá mà chỉ ở giảng đường mới có.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè đã luôn ở bên cạnh, dõi theo và ủng hộ cho em trong suốt mấy tháng vừa qua.

Mặc dù đã cố gắng để thực hiện đề tài một cách khoa học, hoàn chỉnh, tuy nhiên do thời gian và kiến thức của em còn hạn hẹp nên trong khi làm khóa luận sẽ không tránh khỏi thiếu sót về mặt nội dung và hình thức. Vì vậy e mong nhận được sự góp ý, chỉ dẫn của Quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chúc quý thầy cô thật nhiều sức khỏe và tràn đầy nhiệt huyết để tiếp tục dẫn dắt nhiều thế hệ sinh viên theo ngành học cao quý này.

Em xin trân thành cảm ơn!

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM .....</b>	<b>6</b>
1.1. Khái quát về giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam .....	6
1.1.1. Khái niệm về giải quyết tranh chấp thương mại .....	6
1.1.2. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp thương mại .....	7
1.2. Khái niệm, đặc điểm của Trọng tài thương mại .....	8
1.2.1. Đặc điểm của Trọng tài thương mại .....	8
1.2.2. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam .....	10
1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam .....	11
1.3.1. Chức năng.....	11
1.3.2. Nhiệm vụ .....	11
1.3.3. Các loại tranh chấp thương mại được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.....	11
1.4. So sánh sự giống và khác nhau trong việc giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam với giải quyết tranh chấp tại Tòa án .....	12
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 .....</b>	<b>15</b>
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG.....</b>	<b>16</b>
2.1. Thực trạng giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm Trọng tài ở Việt Nam .....	16
2.1.1. Thực trạng về giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại.....	16
2.1.2. Mối quan hệ giữa Trọng tài thương mại và Tòa án.....	17
2.1.3. Hủy phán quyết Trọng tài .....	19
2.1.4. Công nhận cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. ....	25
2.1.5. Thi hành phán quyết Trọng tài .....	28
2.2. Những vướng mắc tồn tại.....	30
2.3. Pháp luật của một số nước về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại.....	34
2.3.1. Pháp luật Hoa kỳ về công nhận và thi hành phán quyết Trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại.....	34
2.3.2. Pháp luật Singapore về công nhận và thi hành phán quyết Trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp thương mại .....	36
2.3.3. Bài học kinh nghiệm dành cho Việt Nam .....	37

2.4. Thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam .....	37
2.4.1. Thực tiễn áp dụng giải quyết tranh chấp thương mại trong nước tại trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam .....	37
2.4.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại quốc tế tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam .....	42
2.5. Đánh giá thực trạng và thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.....	47
2.5.1. Ưu điểm.....	47
2.5.2. Hạn chế tồn tại.....	48
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 .....	52
<b>CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM .....</b>	<b>53</b>
3.1. Định hướng hoàn thiện giải quyết tranh chấp tại trung tâm Trọng tài thương mại	53
3.1.1. Quan điểm chủ trương của Đảng và Nhà nước .....	53
3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.....	55
3.2. Giải pháp hoàn thiện giải quyết tranh chấp tại trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam. ....	56
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật.....	56
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giải áp dụng các quy định pháp luật .....	57
3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện về thực thi pháp luật trọng tài thương mại .....	59
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 .....	60
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>61</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG ĐƯỢC VIẾT TẮT
BLDS	Bộ luật dân sự
BLTTDS	Bộ luật tố tụng dân sự
ĐUQT	Điều ước quốc tế
FAA	Luật Trọng tài liên bang Hoa Kỳ
GĐT	Giám đốc thẩm
ICC	Phòng thương mại quốc tế
LTM	Luật thương mại
TA	Tòa án
THADS	Thi hành án dân sự
TTTM	Trọng tài thương mại
VCCI	Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam
VIAC	Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

<b>TÊN BẢNG</b>	<b>TRANG</b>
Bảng 2.1: Dữ liệu hủy phán quyết Trọng tài Việt Nam (từ 2011-17/11/2023)	23
Bảng 2.2: Lí do hủy phán quyết (từ năm 2011-11/07/2023)	24
Bảng 2.3: Dữ liệu công nhận và cho thi hành Phán quyết tại Việt Nam của Trọng tài nước ngoài (từ 01/01/2012-17/11/2023)	27
Bảng 2.4: Số liệu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài	28



## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế nhằm thúc đẩy sự phát triển tất cả các lĩnh vực của Đất nước, trong đó đáng quan tâm nhất và đặc biệt chú trọng phát triển là nền kinh tế. Cũng chính vì thế mà dẫn đến sự gia tăng số lượng các chủ thể tham gia vào hoạt động thương mại, tuy nhiên các hoạt động ấy cũng tiềm ẩn những xung đột, bất đồng về quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

Để đảm bảo cho sự ổn định phát triển trong kinh doanh một cách lành mạnh, cần thiết một cơ quan, tổ chức đứng ra để giải quyết những xung đột, bất đồng ấy. Hiện nay ở Việt Nam có nhiều phương thức giải quyết tranh chấp khác nhau, tất cả đều nhằm giải quyết một cách có hiệu quả nhất bảo đảm được quyền và lợi ích của các bên. Các phương thức giải quyết tranh chấp được các quốc gia quy định trong pháp luật của mỗi nước phải thích ứng với điều kiện kinh tế- xã hội của quốc gia đó, điển hình có bốn phương thức được nhiều quốc gia lựa chọn để giải quyết tranh chấp đó là: Thương lượng, Hòa giải, Tòa án, Trọng tài. Tại Việt Nam những năm gần đây, hai phương thức Tòa án và Trọng tài được các bên lựa chọn nhiều nhất và áp dụng phổ biến nhất để giải quyết các tranh chấp.

Tranh chấp thương mại diễn ra ngày càng nhiều ở Việt Nam, số lượng giải quyết tranh chấp thương mại tại Tòa án cũng tăng lên đáng kể, tạo nên nhiều áp lực cho những người tiến hành tố tụng, điều này cũng làm ảnh hưởng tới chất lượng xét xử của Tòa án. Trong khi đó thì tranh chấp thương mại được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quá ít, thậm chí có Trung tâm Trọng tài từ khi thành lập đến nay vẫn chưa giải quyết tranh chấp nào liên quan. Pháp luật quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại Tòa án rất chặt chẽ, phức tạp còn đối với Trọng tài thì mềm dẻo, linh hoạt hơn, đây cũng được coi là ưu điểm của phương thức Trọng tài bởi tạo quyền lợi cho các bên thỏa thuận, giải quyết nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, đi lại có thể rút ngắn thủ tục tố tụng Trọng tài và đảm bảo được bí mật cho cả hai bên. Phán quyết Trọng tài thì không được công bố công khai, rộng rãi nên việc giữ bí mật trong kinh doanh của các bên sẽ thuận lợi cũng như danh dự, uy tín được đảm bảo. So với Tòa án thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài không bị giới hạn về lãnh thổ, nên các bên có quyền đưa ra lựa chọn bất kỳ Trung tâm Trọng tài nào để giải quyết tranh chấp của mình, và có một điểm nổi trội hơn là phán quyết của Trọng tài có tính chung thẩm, tức là không bị kháng cáo, kháng nghị như Tòa án.

Tuy nhiên, các quy định pháp luật về Trọng tài hiện nay vẫn còn hạn chế, bất cập, pháp luật về Trọng tài chưa phát huy được đầy đủ vai trò của mình trong môi trường kinh tế-xã hội hiện nay, nguyên nhân dẫn tới tình trạng này chủ yếu là do nhận thức của

các chủ thể tham gia hoạt động thương mại chưa đầy đủ, bên cạnh đó thì quy định về thẩm quyền giải quyết cũng chưa được rõ ràng. Do đó, việc giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam cần hoàn thiện hơn nữa để đáp ứng yêu cầu giải quyết tranh chấp đồng thời để phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế

Từ các vấn đề được nêu ra ở trên em đã quyết định chọn đề tài “Giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam: Thực tiễn và giải pháp”. Với đề tài này em mong muốn trên cơ sở nghiên cứu, phân tích những quy định pháp luật, kết hợp với thực tiễn áp dụng các quy định đó để thấy được những hạn chế, bất cập và đưa ra được giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện hơn các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

### *Tình hình nghiên cứu trên thế giới*

Thực tế, giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế không phải là hình thức quá xa lạ trên thế giới. Nó ra đời và phát triển song song với sự phát triển của công nghệ hiện đại, như một hệ quả tất yếu của thời đại 4.0. Trọng tài thương mại nhận được nhiều sự quan tâm của các chuyên gia luật học tại nhiều quốc gia. Các công trình tiêu biểu có thể kể đến như sau:

- Adedoyin Rhodes-Vivour San, C. Arb, *Recent trends and opportunities in international commercial Arbitration (Xu hướng và cơ hội trong Trọng tài thương mại quốc tế)*.

-Haythorne, Eric G. Ly, Tayseng Mao, Thora Nguon (2007), *Commercial disputes and the new National Arbitration Center (Tranh chấp thương mại và Trung tâm Trọng tài quốc gia mới)*.

-Gabbrielle Kaufmann-Kohler & Thomas Schultz (2005), *The Use of Information Technology in Arbitration (Việc sử dụng công nghệ thông tin trong Trọng tài)*.

Ngoài ra, có rất nhiều bài báo cáo, đề tài khoa học, bài tạp chí khác đề cập đến các khía cạnh của giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài thương mại. Những công trình khoa học đã kể trên đã cung cấp một phần kiến thức về tranh chấp thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài. Tuy nhiên chỉ ở một số góc độ, vẫn chưa thể dựa vào đó để nhìn nhận toàn diện và đầy đủ vấn đề của khóa luận.

### *Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam*

Việc nghiên cứu giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế luôn được nhiều nhà khoa học pháp lý quan tâm và chú ý đến. Một số bài báo bài viết chỉ đề cập một số khía cạnh như thực tiễn áp dụng TTTM, thi hành phán quyết của Trọng

tài thương mại-một số bất cấp và kiến nghị, về hình thức của TTTM có một số bài viết liên quan như:

-PGS.TS Dương Đăng Huệ có bài *“Trọng tài kinh tế phi chính phủ ở Việt Nam-Thực trạng và những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của nó”* (Thông tin khoa học pháp lý –Viện nghiên cứu khoa học pháp lý Bộ Tư pháp số 5/1999.

- Sách chuyên khảo của PGS.TS Đỗ Văn Đại năm 2010 *“Pháp luật Trọng tài thương mại Việt Nam Bản án và bình luận”*, Nhà xuất bản Nguyễn Đức Hồng –Hội Luật gia Việt Nam.

-Sách chuyên khảo của Trần Minh Ngọc năm 2019 *“Pháp luật về Trọng tài thương mại”*, Nhà xuất bản lao động.

-Báo điện tử Chính phủ về *“Hoàn thiện pháp luật trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài”*.

Tuy nhiên vấn đề nghiên cứu “Giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam” còn hạn chế, lĩnh vực nghiên cứu này giúp các chủ thể tham gia hoạt động thương mại xác định được thẩm quyền giải quyết tranh chấp, chức năng nhiệm vụ của Trọng tài, nhằm phát huy được vai trò của Trọng tài trong quá trình hội nhập quốc tế.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

#### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Nghiên cứu các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài qua nghiên cứu các văn bản pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế như: Luật Trọng tài thương mại 2010, Luật thương mại 2005, Bộ luật TTDS 2015, Luật mẫu UNCITRAL, Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài và pháp luật một số quốc gia...

Nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại và đưa ra được giải pháp hoàn thiện.

#### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Về không gian nghiên cứu: Giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế tại Việt Nam.

Thời gian nghiên cứu: năm 2010 kể từ khi luật Trọng tài thương mại có hiệu lực đến nay.

Trong phạm vi nghiên cứu của khóa luận, em tập trung nghiên cứu vấn đề giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài quốc tế đưa ra thực trạng và giải pháp cho vấn đề, không đề cập đến các phương thức giải quyết khác trừ Tòa án.

#### **4. Mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu**

##### *4.1. Mục tiêu nghiên cứu*

Mục tiêu nghiên cứu đề tài là nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài trên cơ sở vấn đề lý luận, đánh giá các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng.

##### *4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, khóa luận tập trung nghiên cứu các vấn đề sau:

Làm rõ những vấn đề lý luận chung về giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.

Phân tích đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hình thức Trọng tài, phân tích, làm rõ thực tiễn áp dụng đồng thời nêu ra được mặt tích cực và hạn chế của vấn đề.

Đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong giải quyết tranh chấp thương mại.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện được khóa luận này em đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như:

Phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin, làm rõ trên cơ sở khoa học, lý luận về một vấn đề nào đó cụ thể là giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại.

Phương pháp phân tích tổng hợp thông tin nhằm làm sáng tỏ vấn đề lý luận cơ bản về giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam, làm rõ được bất cập, hạn chế của thực trạng giải quyết tranh chấp và thực tiễn áp dụng, phương pháp này được sử dụng xuyên suốt trong khóa luận này.

Phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh giữa việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án với Trọng tài.

Phương pháp bình luận, đánh giá: được sử dụng để bày tỏ ý kiến, quan điểm cá nhân, đánh giá các vấn đề pháp lý và thực tiễn để làm rõ được bất cập, hạn chế của việc giải quyết tranh chấp cũng như thực tiễn thực hiện.

## **6. Đóng góp của đề tài**

Về lý luận: Khóa luận làm rõ được các khái niệm, đặc điểm về giải quyết tranh chấp, Trọng tài thương mại, Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam. Từ đó đưa ra thực trạng và giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện về giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam

Về thực tiễn: đưa ra được những ưu điểm, hạn chế của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài từ đó đưa ra được nhận xét đánh giá để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.

## **7. Bố cục của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo thì toàn bộ nội dung của khóa luận được xây dựng thành ba chương cụ thể sau:

*Chương 1:* Cơ sở lý luận về giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.

*Chương 2:* Thực trạng giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam và thực tiễn áp dụng.

*Chương 3:* Giải pháp và kiến nghị hoàn thiện nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM

### 1.1. Khái quát về giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam

#### 1.1.1. Khái niệm về giải quyết tranh chấp thương mại

Tranh chấp là một hiện tượng phổ biến và thường xuyên diễn ra trong nhiều mặt của đời sống xã hội, do tính chất thường xuyên cũng như hậu quả của nó gây ra cho các chủ thể tham gia tranh chấp nói riêng và cho cả xã hội nói chung, pháp luật đã sớm có những quan tâm nhất định đối với hoạt động này cũng như các phương thức giải quyết nó thể hiện thông qua các quy định cụ thể trong nhiều văn bản pháp lý.

Trong phán quyết tranh chấp 1924 về tranh chấp Mavromatiss, Tòa án thường trực công lý quốc tế (tiền thân của Tòa án Công lý quốc tế) đã định nghĩa *“Tranh chấp là sự bất đồng về mặt pháp lý hay trên thực tế, sự xung đột về mặt quan điểm pháp lý hoặc lợi ích giữa hai hay nhiều người trở nên.”* Trong một phán quyết khác của Tòa án công lý quốc tế, *“Tranh chấp được hiểu là một tình huống trong đó hai bên có các quan điểm đối lập liên quan tới câu hỏi về thực hiện hoặc không thực hiện một nghĩa vụ nào đó trong hiệu ước”*.

Trong pháp luật thực định Việt Nam, nhiều khái niệm pháp lý khác nhau đã được đề cập đến trong các văn bản quy phạm pháp luật để chỉ các tranh chấp thương mại. Chẳng hạn, pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994 sử dụng khái niệm “tranh chấp kinh tế” và liệt kê những tranh chấp được coi là tranh chấp kinh tế, bao gồm: tranh chấp hợp đồng kinh tế giữa pháp nhân và pháp nhân, pháp nhân và cá nhân có đăng lý kinh doanh, tranh chấp giữa các thành viên công ty, giữa các thành viên công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động và giải thể công ty, tranh chấp liên quan đến mua bán cổ phiếu, trái phiếu và các tranh chấp khác theo quy định của pháp luật. Còn Luật Thương mại 1997 của Việt Nam lại định nghĩa “tranh chấp thương mại” là những tranh chấp phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng trong hoạt động thương mại. Theo luật này, những tranh chấp không phát sinh từ hợp đồng thương mại không được gọi là tranh chấp thương mại. Có thể nhận thấy rằng quan niệm về hoạt động thương mại và tranh chấp thương mại theo Luật Thương mại 1997 đã không bao quát hết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại theo cách hiểu phổ biến trên thế giới. Điều này tạo ra những xung đột pháp luật giữa các quốc gia với luật quốc tế, gây ra những trở ngại, rắc rối trong thực tiễn áp dụng pháp luật và hội nhập quốc tế.

Sự ra đời của Luật Thương mại năm 2005, quan niệm về hoạt động thương mại và tranh chấp thương mại đã có sự đổi mới, theo hướng tiếp cận gần hơn với quan niệm hoạt động thương mại và tranh chấp thương mại theo thông lệ quốc tế. Bên cạnh sự đổi mới của pháp luật nội dung, pháp luật tố tụng của Việt Nam cũng đã có những cải cách quan trọng trong các quy định về giải quyết tranh chấp thương mại.

Như vậy, tranh chấp thương mại là việc phát sinh những mâu thuẫn, bất đồng từ hoạt động sản xuất, đầu tư hay cung ứng dịch vụ... (được gọi chung là các hoạt động kinh doanh thương mại). Đây là một trong các loại việc thuộc lĩnh vực tư, do đó các bên có thể thảo thuận lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp kinh doanh ngay từ lúc trước khi nó xảy ra (quyền định liệu trước) hoặc sau khi tranh chấp xảy ra. Việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại là các bên tranh chấp thông qua hình thức, thủ tục, thích hợp tiến hành các giải pháp nhằm loại bỏ những mâu thuẫn, xung đột, bất đồng về lợi ích kinh tế nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của mình.

*Tóm lại, Giải quyết tranh chấp thương mại được hiểu là quá trình các bên thông qua một phương thức và những hình thức, thủ tục tương ứng, thích hợp nhằm loại bỏ những mâu thuẫn bất đồng hay xung đột về quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phát sinh từ hoạt động thương mại.*

#### *1.1.2. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp thương mại*

Thứ nhất, giải quyết tranh chấp thương mại là việc loại bỏ những mâu thuẫn (bất đồng hay xung đột) về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong mối quan hệ cụ thể. Quan hệ thương mại và bất đồng giữa các bên trong quan hệ thương mại là điều kiện cần và đủ để tranh chấp phát sinh. Trong hoạt động thương mại, các bên vừa hợp tác đồng thời vừa cạnh tranh nhau để đạt được mục đích đề ra. Do đó, việc phát sinh những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên là điều tất yếu. Các quan hệ thương mại có bản chất là các quan hệ tài sản nên nội dung tranh chấp thường liên quan trực tiếp đến lợi ích kinh tế của các bên.

Thứ hai, những mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ các bên phải phát sinh từ hoạt động thương mại. Căn cứ phát sinh tranh chấp thương mại là hành vi vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật. Trong nhiều trường hợp, tranh chấp thương mại phát sinh do các bên có vi phạm hợp đồng và xâm hại lợi ích của các bên nhưng không làm phát sinh tranh chấp. Đối với tranh chấp thương mại phải là những mâu thuẫn bất đồng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên phát sinh từ hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác.

Thứ ba, khi xảy ra tranh chấp các bên có quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp của mình bằng con đường khác nhau. Trên thực tế tranh chấp thương mại có thể được giải quyết bằng Tòa án hoặc phương thức khác ngoài Tòa án. Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại quy định đối với từng phương thức giải quyết tranh chấp thương mại về trình tự, thủ tục, nội dung khác đảm bảo quá trình giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy trình, đảm bảo pháp lý.

## **1.2. Khái niệm, đặc điểm của Trọng tài thương mại**

Trọng tài Thương mại là một khái niệm đã xuất hiện từ lâu và ngày càng phổ biến trong đời sống kinh tế ở khắp nơi trên thế giới. Trọng tài với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp là cách tiếp cận chủ yếu của hệ thống các quy định pháp luật về Trọng tài. Căn cứ theo khoản 1 điều 3 luật Trọng tài thương mại 2010 quy định: *“Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được tiến hành theo quy định của Luật này”*. Như vậy có thể xem xét Trọng tài thương mại dưới hai góc độ chủ yếu:

Trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại: với tính chất là một phương thức giải quyết tranh chấp, Trọng tài thương mại được hiểu là phương thức trong đó các bên tranh chấp tự nguyện thỏa thuận với nhau để ủy thác việc giải quyết tranh chấp đã hoặc có thể phát sinh giữa họ cho Trọng tài. Trên cơ sở các tình tiết khách quan của tranh chấp, được quyền đưa ra quyết định cuối cùng để giải quyết tranh chấp và quyết định này có giá trị bắt buộc thi hành đối với các bên.

Trọng tài là 1 cơ quan giải quyết tranh chấp: Trọng tài thương mại là cơ quan được thành lập tự nguyện bởi các Trọng tài viên để giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo yêu cầu của các bên tranh chấp. Trọng tài là một cơ quan tài phán độc lập, tồn tại song song với Tòa án, có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại.

### *1.2.1. Đặc điểm của Trọng tài thương mại*

Trọng tài thương mại là một loại hình tổ chức phi chính phủ, Trọng tài có quyền phán quyết như Tòa án và quyết định của Trọng tài được cưỡng chế thi hành. Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp có tính chất tài phán phi nhà nước (phi chính phủ) do các đương sự thỏa thuận lựa chọn để giải quyết các tranh chấp thương mại. Trọng tài chính là bên trung gian thứ ba được các bên tranh chấp chọn ra để giúp các bên giải quyết những xung đột, bất đồng giữa họ trên cơ sở đảm bảo quyền tự định đoạt của các bên. Bản chất Trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại không mang ý chí quyền lực nhà nước mà được giải quyết thông qua phán quyết của Trọng tài thương mại theo thủ tục linh



hoạt, mềm dẻo, là một phương thức giải quyết tranh chấp được tiến hành bởi các thiết chế đặc biệt. Do vậy, Trọng tài mang một số đặc trưng cơ bản sau:

Trọng tài thương mại là một loại hình tổ chức phi chính phủ, Trọng tài có quyền phán quyết như tòa án và quyết định của Trọng tài được cưỡng chế thi hành. Đây là một cơ quan tài phán, có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại và được pháp luật quy định. Trọng tài là cơ quan tài phán bởi lẽ tiến hành thủ tục Trọng tài là hoạt động thường xuyên và chủ yếu của các Trung tâm Trọng tài. Đó là các trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng với cơ cấu tổ chức rõ ràng, chặt chẽ. Cũng như Tòa án, sau khi tiến hành giải quyết tranh chấp, Hội đồng Trọng tài sẽ ban hành phán quyết Trọng tài. Phán quyết này có giá trị pháp lý ràng buộc các bên và được đảm bảo cưỡng chế thi hành dưới sự hỗ trợ của cơ quan thi hành án (khi có yêu cầu).

Cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài là sự kết hợp giữa hai yếu tố thỏa thuận và tài phán. Thỏa thuận làm tiền đề cho phán quyết và không thể có phán quyết Trọng tài thoát ly được những yếu tố đã được thỏa thuận. Bởi vậy, về nguyên tắc thẩm quyền của Trọng tài không bị giới hạn bởi pháp luật, các đương sự có thể lựa chọn bất kỳ lúc nào, bất kỳ Trọng tài vụ việc hoặc Trọng tài quy chế nào trên thế giới để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, một khi đã được thỏa thuận thì phán quyết của Trọng tài có tính chất cưỡng chế và bắt buộc các bên phải thi hành.

Phương thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại bảo đảm quyền tự định đoạt của các đương sự cao hơn so với phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

Trọng tài vụ việc là hình thức Trọng tài được lập ra để giải quyết các tranh chấp cụ thể và tự giải thể khi giải quyết trong tranh chấp đó. Còn Trọng tài thường trực là những tổ chức Trọng tài có hình thức tổ chức, trụ sở ổn định, danh sách Trọng tài viên và hoạt động theo điều lệ riêng.

Phán quyết của Trọng tài có giá trị chung thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị và có hiệu lực thi hành với các bên. Do đặc thù tố tụng, Tòa án có thể thực hiện ở nhiều cấp xét xử nên một bản án do Tòa án tuyên bố có thể bị kháng cáo, kháng nghị, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Bởi vậy, nếu đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án sẽ mất nhiều thời gian, công sức, tiền bạc. Trong khi đó, với nguyên tắc xét xử một lần, tiêu chí các bên tranh chấp đặt ra là giải quyết nhanh gọn, ít tốn kém, tránh tình trạng dây dưa, kéo dài đã hoàn toàn được đáp ứng ở tố tụng Trọng tài. Nếu một bên không thi hành thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài. Đặc điểm này thể hiện cơ chế nhanh gọn trong việc giải quyết nhanh chóng, dứt điểm các tranh chấp thương mại.

Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài có sự hỗ trợ của Tòa án. Pháp luật của một số nước trên thế giới trong đó có Việt Nam đều quy định cơ chế hỗ trợ từ phía Tòa án đối với tổ chức và hoạt động của Trọng tài. Sở dĩ cần sự hỗ trợ của Tòa án vì phán quyết của Trọng tài không mang tính quyền lực nhà nước, do đó cần phải có một cơ quan nhà nước hỗ trợ, đó là Tòa án. Thông qua trình tự công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài, Tòa án đảm bảo thực thi trên thực tế những quyết định của Trọng tài, khi một hoặc các bên đương sự không tự nguyện thi hành. Ngoài ra, Tòa án còn có thể hỗ trợ Trọng tài ở các công việc khác như: xác định giá trị pháp lý của Trung tâm Trọng tài, giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của hội đồng Trọng tài; ra lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, kê biên tài sản, bảo toàn chứng cứ, xét đơn yêu cầu hủy quyết định Trọng tài, công nhận và thi hành quyết định Trọng tài....

#### *1.2.2. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam*

Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (tiếng Anh: Vietnam International Arbitration Centre, viết tắt là VIAC) được thành lập vào năm 1993 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trên cơ sở hợp nhất Hội đồng Trọng tài Ngoại thương (thành lập năm 1963) và Hội đồng Trọng tài Hàng hải (thành lập năm 1964). Theo quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và Điều lệ hiện hành, VIAC là tổ chức độc lập. Phán quyết của các Hội đồng Trọng tài thuộc VIAC là chung thẩm và được công nhận, thi hành tại Việt Nam và trên 170 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới theo Công ước về Công nhận và thi hành các quyết định Trọng tài nước ngoài (Công ước New York 1958).

Là tổ chức Trọng tài, Hòa giải hàng đầu tại Việt Nam và có uy tín quốc tế, những năm 1993-2022, số vụ tranh chấp VIAC tiếp nhận hàng năm duy trì xu hướng tăng. Đặc biệt xu hướng tăng trưởng rõ rệt được ghi nhận trong giai đoạn 2011 đến nay, cũng là khoảng thời gian Luật Trọng tài thương mại năm 2010 có hiệu lực. Trong giai đoạn từ năm 1993 đến 2020 số vụ tranh chấp có ít nhất một bên là FDI chiếm 35.95% tranh chấp trong nước (không có yếu tố FDI) chiếm 39.99% và tranh chấp có yếu tố nước ngoài chiếm 24,04% (Theo biểu đồ Số vụ tranh chấp VIAC tiếp nhận giai đoạn 1993-2022). Về lĩnh vực tranh chấp, mua bán hàng hóa chiếm phần lớn các vụ tranh chấp hơn 40% tiếp đến là lĩnh vực Xây dựng với 18,1% số vụ tranh chấp tại VIAC. Trong đó lĩnh vực Bảo hiểm chiếm 8,3%, Tài chính chiếm 3,1%, Mua bán và sát nhập 3,1%, Hợp tác kinh doanh chiếm 4,2%, Bất động sản 2,2%, Logistic 2,2% (Theo lĩnh vực tranh chấp tại VIAC).

### **1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam**

#### *1.3.1. Chức năng*

Căn cứ tại Điều 2 số 204-TTg Điều lệ về tổ chức Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam có quy định: “*Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh từ các quan hệ kinh tế quốc tế như các hợp đồng mua bán ngoại thương, các hợp đồng đầu tư, du lịch, vận tải và bảo hiểm quốc tế, chuyển giao công nghệ, tín dụng và thanh toán quốc tế v.v...*”

#### *1.3.2. Nhiệm vụ*

Điều lệ hiện hành quy định các nhiệm vụ của VIAC gồm:

- Tổ chức điều phối hoạt động giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài, Hòa giải và các phương thức giải quyết tranh chấp khác theo quy định của pháp luật, hỗ trợ Trọng tài viên, Hòa giải viên về hành chính, văn phòng và các trợ giúp khác trong quá trình Trọng tài, hòa giải và các phương thức giải quyết tranh chấp khác;
- Cung cấp dịch vụ chỉ định Trọng tài viên, Hòa giải viên, thành viên Ban tranh chấp (tiếng Anh: Dispute Board) và các dịch vụ đình chỉ khác có liên quan;
- Tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, xúc tiến thương mại, đầu tư và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng lực cho các tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân trong quản trị rủi ro, phòng ngừa và xử lý tranh chấp, thúc đẩy sự phát triển của phương thức Trọng tài, Hòa giải và mở rộng các hoạt động khác của Trung tâm;
- Tổ chức nghiên cứu, tham mưu và tư vấn về chính sách, pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân khác, góp phần hoàn thiện cơ chế, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy thương mại, đầu tư hội nhập quốc tế;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật và mục tiêu hoạt động của trọng tâm.

#### *1.3.3. Các loại tranh chấp thương mại được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam*

Theo quy định tại Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp sau:

Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại. Đây là loại tranh chấp phổ biến nhất thuộc thẩm quyền của Trọng tài. Cụ thể, các bên tranh chấp là các thương nhân khi kí kết các hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng cung ứng dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng... có thể vi phạm quyền, nghĩa vụ phát sinh

tranh chấp. Tranh chấp này được các bên lựa chọn Tòa án hoặc Trọng tài; và nếu lựa chọn Trọng tài giữa họ phải có thỏa thuận đưa ra Trọng tài phán quyết.

1. Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định mở rộng thẩm quyền giải quyết tranh chấp cho Trọng tài, để Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp giữa ít nhất một bên là thương nhân, có hoạt động thương mại là hợp lý, và sẽ giúp Trọng tài thu hút được nhiều khách hàng hơn.

2. Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài. Trọng tài theo luật TTTM năm 2010 còn có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài. Quy định này đã làm thống nhất được hệ thống pháp luật Việt Nam, giúp các quy định pháp luật đi vào thực tiễn. Cụ thể trước luật TTTM năm 2010 các văn bản pháp luật khác đã quy định về hình thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài như: LTM năm 2005 (khoản 3 điều 317) quy định: *“Trọng tài là một trong bốn hình thức giải quyết tranh chấp thương mại mà các bên lựa chọn để giải quyết tranh chấp”*; Luật đầu tư (2012) cũng quy định: *“Trọng tài là một trong bốn hình thức giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam”*. Do vậy đây được coi là điểm mới đáng ghi nhận của Luật TTTM năm 2010 so với các văn bản pháp luật trước đây khi Trọng tài có thẩm quyền giải quyết nhiều loại tranh chấp hơn, khiến hệ thống pháp luật đầy đủ và đồng bộ hơn.

#### **1.4. So sánh sự giống và khác nhau trong việc giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam với giải quyết tranh chấp tại Tòa án**

##### *Giống nhau*

Tòa án và Trọng tài đều là các hình thức giải quyết tranh chấp trong thương mại, chúng đóng vai trò một bên trung lập với các bên trong quan hệ tranh chấp. Hoạt động giải quyết tranh chấp của Tòa án và Trọng tài có điểm giống nhau là đều căn cứ vào pháp luật hợp đồng của các bên trong quan hệ tranh chấp, xem xét sự thật vụ án và độc lập ra phán quyết, phán quyết này được đảm bảo thi hành. Vì phán quyết bắt buộc thi hành nên thủ tục tố tụng của Tòa án và Trọng tài rất chặt chẽ và phải phù hợp với quy định của pháp luật. Thủ tục tố tụng Tòa án và thủ tục tố tụng Trọng tài đều dựa trên những nguyên tắc chung như: tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự, đảm bảo sự độc lập của người tài phán... Tuy nhiên, vì là hình thức giải quyết tranh chấp độc lập, nên giữa Tố tụng Tòa án và tố tụng Trọng tài cũng có sự khác biệt cơ bản.

##### *Khác nhau*

Tòa án thì có các thẩm phán, có các cán bộ Tòa án làm việc để giải quyết tranh chấp thương mại theo thủ tục tố tụng dân sự. Tương đương với đó chúng ta có một Trung tâm Trọng tài ở đó có các Trọng tài viên để giải quyết các tranh chấp theo thủ tục tố

tụng Trọng tài. Khi Trung tâm Trọng tài có chức năng tổ chức, điều phối hoạt động giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài quy chế và hỗ trợ Trọng tài viên về các mặt hành chính văn phòng và các trợ giúp khác trong quá trình tổ tụng Trọng tài. Đương nhiên thì Trung tâm Trọng tài được thành lập và quản lý chặt chẽ bởi Bộ Tư pháp.

Trung tâm Trọng tài thì có các Trọng tài viên có một điều đặc biệt khác với thẩm phán tại Tòa án các Trọng tài viên không nhất thiết phải là những người học và công tác trong lĩnh vực pháp lý mà ngoài các điều kiện về năng lực hành vi dân sự thì Trọng tài viên chỉ cần đáp ứng điều kiện là tốt nghiệp đại học, có kinh nghiệm tối thiểu 05 năm trở lên trong chuyên ngành đã học của mình thậm chí với những chuyên gia hàng đầu trong những lĩnh vực đặc biệt chứ không cần phải có điều kiện là tốt nghiệp đại học cũng như là 5 năm kinh nghiệm. Ví dụ như: Tranh chấp liên quan đến các cổ vật thì Trọng tài viên được lựa chọn hoàn toàn có thể là các chuyên gia về khảo cổ học hay là các chuyên gia về đồ cổ.

Vậy có một câu hỏi đặt ra là giải quyết tranh chấp thương mại tại Trọng tài thương mại có gì đặc biệt so với Tòa án. Khi xảy ra tranh chấp một số doanh nghiệp lựa chọn Trọng tài thương mại để giải quyết bởi một số lý do sau:

*Thứ nhất:* Thủ tục nhanh gọn, điều này là chắc chắn bởi thủ tục tố tụng càng ngắn gọn càng tốt, là một phương châm mà các Trung tâm Trọng tài hướng tới. Các trung tâm này lập ra với mục đích kiếm lời, họ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, cho nên việc tối ưu hóa dịch vụ làm cho các khách hàng thoải mái là điều mà Trung tâm Trọng tài nào cũng muốn làm. Không có Trung tâm Trọng tài nào mà muốn xây dựng thủ tục màu mè, rườm rà mà mất thời gian cả, như vậy thì các bên trong tranh chấp sẽ không lựa chọn Trung tâm Trọng tài của họ mất khách mất nguồn thu là điều đương nhiên. Còn ở Tòa án là cơ quan tư pháp độc lập, Tòa án không sinh ra để kiếm lời cho nên tuân thủ, thủ tục phải đúng như luật định. Tòa án không có quyền tự cải tổ hay thay đổi thời gian tố tụng cho gọn lại để cạnh tranh với các Tòa án khác điều này không thể xảy ra.

*Thứ hai:* Các bên có quyền lựa chọn cơ quan Trọng tài, nếu khởi kiện ra Tòa án theo thủ tục TTDS thì bắt buộc phải nộp đơn khởi kiện theo thẩm quyền lãnh thổ được quy định tại BLTTDS. Tuy nhiên nếu khởi kiện ra Trọng tài thì các bên có quyền thỏa thuận. Ví dụ như hai bên ở Hà Nội nhưng mà thấy một Trung tâm Trọng tài nào đó ở thành phố Hồ Chí Minh vừa uy tín lại vừa giá rẻ, lúc này hai bên có quyền thỏa thuận và lựa chọn Trung tâm Trọng tài ở Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết tranh chấp.

*Thứ ba:* Không nhất quyết phải giải quyết tranh chấp tại trụ sở. Khi giải quyết tranh chấp bằng con đường Trọng tài thì các bên có thể thỏa thuận địa điểm giải quyết tranh

chấp, điều này thuận lợi cho việc đi lại, thời gian của các bên. Khác với việc giải quyết tranh chấp ở Tòa án các bên bắt buộc phải đến tòa để làm việc.

*Thứ tư:* Phán quyết có giá trị chung thẩm. Khởi kiện tranh chấp tại Tòa án thì phải trải qua nhiều bước như Sơ Thẩm-Phúc Thẩm v.v..., phán quyết của Tòa án thường có thể qua thủ tục kháng cáo, kháng nghị nên có thể thay đổi. Tuy nhiên tranh chấp tại Trọng tài thì chỉ có một lần, phán quyết của Trọng tài có giá trị chung thẩm không có kháng cáo, kháng nghị.

*Thứ năm:* Đảm bảo tính bí mật. Về nguyên tắc các bên tham gia tranh chấp tại Trọng tài có quyền thỏa thuận để tranh chấp được giải quyết một cách bí mật ví dụ như những tranh chấp về công nghệ hay bí mật thương mại thì thường các doanh nghiệp sẽ thỏa thuận xử kín.

*Thứ sáu:* Phán quyết của Trọng tài được quốc tế công nhận. Công ước New York 1958 của Liên Hợp Quốc về công nhận và thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài đã ra đời như là một công cụ quan trọng thúc đẩy giải quyết hiệu quả các tranh chấp thương mại có tính quốc tế. Tính đến tháng 3 năm 2017 Công ước đã có 157 quốc gia và vùng lãnh thổ là thành viên trong đó hầu hết là các đối tác thương mại của Việt Nam. Sau khi gia nhập vào ngày 28/07/1995 Công ước như là bộ đỡ giúp cho Việt Nam phát triển lĩnh vực giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài, bên cạnh đó còn góp phần rất lớn trong việc nâng cao công cuộc hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp. theo quy định tại Công ước một phán quyết Trọng tài được ban hành tại một quốc gia thành viên sẽ được các quốc gia thành viên khác công nhận và cho thi hành khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Công ước này. Điều này làm nhiều người ưu tiên chọn Trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài, nếu chọn Tòa án Việt Nam để giải quyết các tranh chấp này thủ tục công nhận bản án của Việt Nam rất phức tạp tùy theo pháp luật của mỗi nước. Chính vì vậy, các doanh nghiệp nước ngoài thích chọn Trọng tài thương mại hơn.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tranh chấp thương mại xảy ra khi có những mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong mối quan hệ kinh doanh cụ thể của hoạt động thương mại. Tuy nhiên một trong những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn đó là xuất phát từ việc vi phạm hợp đồng và pháp luật trong quá trình thương mại dẫn đến thiệt hại của các bên liên quan. Vì vậy việc lựa chọn phương thức giải quyết là rất quan trọng ngoài Tòa án thì chúng ta ưu tiên áp dụng phương thức ngoài Tòa án đó là Trọng tài.

Để nghiên cứu đề tài, không thể tách rời việc tìm hiểu, làm rõ các khái niệm Trọng tài thương mại, giải quyết tranh chấp và tranh chấp thương mại, đặc điểm của Trọng tài thương mại, nghiên cứu và tìm hiểu Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam để chỉ ra được chức năng, nhiệm vụ của nó. Ngoài ra còn nghiên cứu và đưa ra được sự giống và khác nhau giữa hai phương thức giải quyết tranh chấp thương mại là Tòa án và Trọng tài. Từ đó làm cơ sở để chỉ ra những bất cập, vướng mắc trong việc giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam và thực tiễn áp dụng ở chương 2.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

#### **2.1. Thực trạng giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm Trọng tài ở Việt Nam**

##### *2.1.1. Thực trạng về giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại*

Theo số liệu thống kê của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) năm 2021, VIAC đã tiếp nhận xử lý 270 vụ tranh chấp mới, tăng khoảng 21% so với năm 2020. Trong đó, các vụ tranh chấp trong nước chiếm tỷ lệ là 42,7% (khoảng 155 vụ); tranh chấp có ít nhất một bên FDI chiếm 39,2%, còn lại là những tranh chấp có yếu tố nước ngoài (chiếm 18,1%). So sánh với số liệu thống kê của ngành Tòa án tại Báo cáo tổng kết chung trong năm 2020 của ngành Tòa án đã thụ lý 602.252 vụ việc; đã giải quyết được 544.604 vụ việc, đạt tỷ lệ 90,4%. Các vụ án kinh doanh thương mại mà Tòa án phải thụ lý, giải quyết chủ yếu là tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư tài chính, ngân hàng (5.192 vụ), mua bán hàng hóa (3.460 vụ). So với số vụ giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của Tòa án, thì con số mà Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) đang giải quyết không đáng kể.

Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại du nhập vào nước ta gần 30 năm, nó đem lại nhiều mặt tích cực, thêm sự lựa chọn cho đương sự về phương thức giải quyết tranh chấp. Tuy không còn là phương thức giải quyết tranh chấp quá xa lạ nhưng số lượng các vụ việc được giải quyết tại Trọng tài thương mại vẫn còn “khiêm tốn” so với số lượng các vụ việc tranh chấp được giải quyết tại Tòa án.

Về tỉ lệ quan hệ tranh chấp, theo số liệu thống kê của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam năm 2021, có đến 44,4% tranh chấp liên quan đến mua bán hàng hóa, đứng thứ hai là tranh chấp dịch vụ chiếm 27,8%, đứng thứ ba là tranh chấp về xây dựng với 18,9%, bảo hiểm 3,3%, bất động sản 1,5%, logistic 2%, M&A nhưng tỷ lệ không cao. Khi giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại các doanh nghiệp vừa có thể giải quyết vấn đề của mình vừa nhanh có thể đạt được thỏa thuận để cân bằng lợi ích của các bên mong muốn mà không tốn quá nhiều thời gian. Theo quy định của pháp luật hiện hành, để giải quyết được bằng Trọng tài thương mại các bên vẫn cần có thỏa thuận Trọng tài, trừ khi trong hợp đồng hai bên không đề cập đến Trọng tài thương mại hay không có thỏa thuận khác. Thường thì các doanh nghiệp lớn hoặc những doanh nghiệp có quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài thường đề xuất giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại hơn so với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.



Tuy nhiên, năm 2020-2021 là năm xuất hiện dịch Covid -19 làm cho những vấn đề Hòa giải, giải quyết tranh chấp có những sự chuyển biến mới, mang tính xu hướng thích nghi với điều kiện dịch bệnh. Tổ tụng Trọng tài dần chuyển sang hình thức giải quyết trực tuyến và bước đầu đạt được hiệu quả nhất định, vừa giảm chi phí đi lại, lại vừa góp phần vào công cuộc phòng chống dịch Covid-19.

### *2.1.2. Mối quan hệ giữa Trọng tài thương mại và Tòa án*

Theo Báo cáo thường niên của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) năm 2022 VIAC đã tiếp nhận 292 vụ tranh chấp trong đó có khoảng 60% là các tranh chấp có liên quan tới một bên là doanh nghiệp FDI hoặc doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài, tăng 8,15% so với 2021. Tính hết tháng 10 /2023 VIAC đã tiếp nhận 346 vụ tranh chấp mới, tăng gần 30% so với cùng kỳ 2022, đáng chú ý là số vụ tranh chấp tăng mạnh ở lĩnh vực kinh doanh bất động sản, năng lượng và các tranh chấp nội bộ doanh nghiệp. Đứng trước tình hình kinh tế toàn cầu biến động, tranh chấp trong các hoạt động kinh doanh gia tăng mạnh mẽ gây ra nhiều khó khăn, áp lực cho nền tư pháp của Đất Nước. (Nguồn: Tổng cục thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp năm 2022 tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam). Đây là một mục tiêu cụ thể được đề ra đến năm 2030 được Ban chấp hành Trung ương Đảng đưa ra tại nghị quyết 27-NQ/TW: *“Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực để xã hội hóa và phát triển các lĩnh vực công chứng, Hòa giải, Trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp, xây dựng đội ngũ hòa giải, Trọng tài, công chứng, giám định tư pháp đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, hoạt động chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội”*.

Trên trường quốc tế, xu hướng giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án đặc biệt là Trọng tài, các tranh chấp có yếu tố nước ngoài và tranh chấp xuyên biên giới đã và đang phát triển mạnh mẽ. Theo VCCI thì có 92% FDI đang hoạt động tại Việt Nam sẽ sử dụng Trọng tài, Hòa giải thay cho Tòa án, tuy nhiên ở nước ta con số này đảo ngược lại rất nhiều phần lớn vẫn đang giải quyết bằng Tòa án. Phương thức Trọng tài so với Tòa án còn một số lưu ý thông qua một số báo cáo nghiên cứu, khảo sát nghiên cứu Đại học Luật London có 90% phương thức thay thế ngoài Tòa án, Công bố kết quả nghiên cứu và khảo sát học viện Luật Singapore 95% tranh chấp xuyên biên giới được xử lý bằng phương thức thay thế. Ba con số 9 cho chúng ta thấy sự lựa chọn Trọng tài, Hòa giải là là phương thức ưu tiên, căn cứ vào những con số khác để nói rằng phương thức Trọng tài có nhiều điểm lợi thế.

Theo quy định của Luật Trọng tài thương mại, Bộ Luật Tổ tụng dân sự tương đồng với các nguyên tắc của Trọng tài quốc tế, Tòa án quốc gia Tòa án Việt Nam sẽ có thẩm quyền hỗ trợ và giám sát các thủ tục trong Trọng tài thương mại Việt Nam. Vai trò hỗ

trợ và giám sát của Tòa án được đánh giá là vô cùng quan trọng trong sự phát triển của Trọng tài cũng như một sự khẳng định rằng: *“Tòa án có thể tồn tại không cần Trọng tài, nhưng Trọng tài không thể tồn tại nếu không có Tòa án”*. Theo công bố của Cục trợ Tư pháp, nước ta hiện nay đã có 44 tổ chức cung cấp phương thức giải quyết tranh chấp thông qua Trọng tài thương mại và Hòa giải thương mại nhưng chỉ có một số ít hoạt động thực chất. Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) là tổ chức Trọng tài quốc gia, được đánh giá uy tín nhất và giải quyết đa dạng các tranh chấp đặc biệt là tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài, nhưng số lượng vụ việc vẫn ở mức chưa đáng kể so với Tòa án.

Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 cho thấy ngành Tòa án đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính Tư pháp về chuyển đổi số trong hệ thống Tòa án. Tiêu biểu có kể đến là triển khai thí điểm dịch vụ công trực tuyến, thu nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, triển khai sử dụng phần mềm Trợ lý ảo cho toàn bộ Thẩm phán để phục vụ công tác xét xử... Bên cạnh đó, việc tổ chức các phiên tòa trực tuyến đã phát huy được hiệu quả tích cực trong thực tiễn. Tính đến hiện nay có tổng cộng 622 Tòa án trên cả nước đã tổ chức xét xử trực tuyến đối với 3.614 vụ án. Tuy nhiên với số lượng vụ việc dân sự tăng từ 5-10% mỗi năm thì cũng dường như những giải pháp trên là chưa đủ để làm giảm áp lực cho nguồn nhân lực và biên chế toàn ngành. Nhìn sang các nền tài phán khác trong khu vực Châu Á như: Hồng Kông (Trung Quốc) hay Singapore- những nền tài phán đang chạy đua nhau ở vị trí thứ hai, thứ ba trên thế giới về danh hiệu địa điểm Trọng tài được ưu tiên lựa chọn nhiều nhất. Có thể thấy các Chính phủ và hệ thống Tòa án ở các nước đó đều dành sự quan tâm đặc biệt cho việc thúc đẩy hoạt động của các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án đặc biệt là Trọng tài.

Với việc trở thành các Trung tâm giải quyết tranh chấp nổi bật về các thủ tục Trọng tài nhằm giải quyết những tranh chấp xuyên biên giới với trị giá tranh chấp lớn, Singapore và Hồng Kông đã nhận được nhiều lợi ích không chỉ là nâng cao danh tiếng nền Tư pháp nước họ mà còn tạo ra được sự tin tưởng đối với các nhà đầu tư nước ngoài, góp phần thu hút đầu tư, thúc đẩy hoạt động đầu tư, kinh doanh với cam kết là sẽ ủng hộ hết mình Chính phủ cũng như hệ thống Tư pháp cho một nền Tư pháp đổi mới, thân thiện với các hoạt động giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án. Từ những báo cáo của ngành Tòa án trong năm vừa qua, có thể thấy các Tòa án đã khẩn trương xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch công tác mới với các nhiệm vụ, biện pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hoạt động Tư pháp, nổi bật là việc triển khai đẩy mạnh số hóa các thủ tục tại Tòa án để đem lại những thành quả tích cực, chuẩn bị cho thời kỳ kinh tế toàn cầu số hóa. Tuy nhiên nhu cầu đặc thù về một phương thức giải quyết tranh chấp là linh hoạt, bảo mật, bảo đảm tính quốc tế phục vụ hoạt động thương mại và đầu tư trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay tiếp tục đặt ra các áp lực lớn đối với các cơ chế đảm bảo thực

thi hợp đồng, chủ yếu thông qua hệ thống Tòa án và các cơ quan hỗ trợ Tư pháp. Ngành Tòa án cần đánh giá đúng vai trò đồng hành của các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án như Trọng tài thương mại.

TS. Vũ Tiến Lộc đã phát biểu rằng: *“Thúc đẩy phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án- hỗ trợ Tư pháp- để có thể chia lửa, giảm tải cho hệ thống Tòa án, góp phần giúp Tòa án có điều kiện tập trung nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng tổ tụng Tòa án, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam”*. (Nguồn: Cổng thông tin Điện tử Quốc hội, bài viết của Đại biểu Quốc hội với chủ đề: *“Tòa án thúc đẩy và phát triển Trọng tài thương mại để nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư phục vụ hội nhập kinh tế”*).

Câu nói này nhằm khẳng định sự hỗ trợ của Tòa án đối với phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, phát huy được vai trò chủ chốt, quyết định đối với sự phát triển nền kinh tế Đất Nước, hội nhập quốc tế cũng như đối với sự phát triển của phương thức Trọng tài. Những vấn đề được đặt ra tại các buổi thảo luận của Quốc hội, mong muốn chúng ta là thúc đẩy, ủng hộ phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án- Trọng tài thương mại sẽ được bổ sung vào như là một giải pháp quan trọng sắp tới của Việt Nam nói chung và ngành Tòa án nhằm nâng cao chất lượng xét xử của ngành Tư pháp, đẩy mạnh năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng khả năng thu hút vốn đầu tư quốc tế tại Việt Nam.

### *2.1.3. Hủy phán quyết Trọng tài*

Quy định tại điểm đ khoản 2 điều 68 Luật Trọng tài thương mại chỉ là một trong những căn cứ hủy phán quyết Trọng tài nhưng đây chỉ là một căn cứ hủy mà việc hiểu và giải thích như nào cho đúng với tinh thần của luật đúng với ý mà người làm luật là rất khó. Điều này được thể hiện rõ trong việc áp dụng khi xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài thời gian vừa qua và cũng gây nhiều băn khoăn, trăn trở đối với các Trọng tài viên, các nhà nghiên cứu khoa học. Việc áp dụng và tiếp cận ở các góc độ khác nhau cả về lý luận, quy định pháp luật, các quy định quốc tế liên quan như Công ước NewYork, luật mẫu UNCITRAL... là rất cần thiết để có cái nhìn toàn diện, đầy đủ chính xác nhằm áp dụng quy định này trong thực tiễn giải quyết tranh chấp, trong xét đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài một cách đúng đắn là rất cần thiết, vừa góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, lợi ích của bên thứ ba. Vừa làm cho Luật TTTM ngày càng gắn liền với cuộc sống, hoạt động Trọng tài Việt Nam không ngừng phát triển, thương nhân có nhiều niềm tin, sự lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp.

Điểm đ, Khoản 2 Điều 68 Luật TTTM quy định: *“Phán quyết Trọng tài trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”*. Có thể hiểu đây là phán quyết vi phạm các

nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam. Trong thực tiễn xét xử có nhiều trường hợp Tòa án căn cứ theo quy định tại điểm đ) Khoản 2 Điều 68 để hủy phán quyết Trọng tài. Rất nhiều nguyên tắc cơ bản hoặc nguyên tắc không cơ bản được Tòa án viện dẫn trong quyết định khi hủy phán quyết Trọng tài đều là các nguyên tắc có nội dung hướng dẫn cách xử sự của các bên đương sự trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng, chứ không phải là các nguyên tắc hướng dẫn cách xử sự của cơ quan tài phán. Nói cách khác, hầu hết các quy định của Tòa án khi áp dụng Điểm d) Khoản 2 Điều 68 Luật TTTM đều xem xét giải quyết lại nội dung vụ tranh chấp đã được Trọng tài xét xử. Đây là sự vi phạm nghiêm trọng theo quy định tại Khoản 4 Điều 71 Luật TTTM. Khoản 4 Điều 71 quy định: *“Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng Trọng tài đã giải quyết”*.

Nghiên cứu khoản 2 Điều 68 sẽ thấy rằng đối với các trường hợp thuộc Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 68 thì người có đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài phải xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nếu không chứng minh được sẽ không được Tòa án chấp nhận. Đây cũng là sự khác biệt giữa TTDS với Luật TTTM. Vậy tại sao lại có sự khác biệt đó, bởi vì những lý do sau:

*Một là:* Tòa án khi xét đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài không xét lại nội dung tranh chấp. Tòa án chỉ xem xét dưới góc độ Tổ tụng (Thẩm quyền, thành phần Hội đồng Trọng tài, thủ tục...) Nếu đương sự cho rằng phán quyết của Trọng tài vi phạm một trong những trường hợp quy định từ điểm a đến điểm d Khoản 2 Điều 68 thì phải chứng minh được sự vi phạm đó, không chứng minh được rõ ràng có sự vi phạm thì không chấp nhận hủy phán quyết Trọng tài.

*Hai là:* việc tranh chấp là quan hệ riêng tư, lợi ích của các đương sự, của thương nhân, đó là quan hệ tư, việc của cá nhân các bên trong quan hệ tranh chấp, chứ không phải là việc “công”, lợi ích “công”. Do đó, các bên phải chứng minh, bảo vệ lợi ích của mình, nhà nước (cụ thể là Tòa án) không là, thay được.

*Ba là:* các bên trong quan hệ tranh chấp đều là các thương nhân, là các đối tượng có điều kiện kinh tế, sự hiểu biết, chuyên môn cao, có đủ điều kiện để tự mình hoặc nhờ Luật sư giúp đương sự tự bảo vệ lợi ích của mình, các bên trong tranh chấp hiểu rõ hơn ai hết, cũng biết cần làm gì để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, LTTM không quy định Trọng tài hay Tòa án có nghĩa vụ điều tra, thu thập chứng cứ, không có nghĩa vụ chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi bên trong quan hệ tranh chấp thay cho đương sự.

*Bốn là:* Nền kinh tế đang càng ngày phát triển, Đất Nước đang trong đà hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, ngoài những đặc thù, về cơ bản Luật TTTM cũng phải phù hợp và đáp ứng được điều kiện hội nhập đó. Luật TTTM của các nước, Công ước, Luật mẫu cũng đã quy định trách nhiệm chứng minh thuộc về đương sự và Luật trong nước của chúng ta cũng đã quy định.

Nếu các đương sự muốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì khi viện dẫn một trong các căn cứ hủy phán quyết Trọng tài được quy định từ Điểm d Khoản 2 Điều 68 thì các đương sự phải chứng minh trước Tòa án, phán quyết Trọng tài vi phạm một trong các căn cứ đó. Đối với yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam thì Luật TTTM quy định rất rõ: *“Tòa án có trách nhiệm chủ động xác minh, thu thập chứng cứ để quyết định hủy hay không hủy phán quyết Trọng tài”* (Điểm b) Khoản 3 Điều 68 Luật TTTM). Không phải do ngẫu nhiên mà có quy định này, nếu cho rằng các đương sự trong vụ tranh chấp muốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp của mình thì không chỉ vô lý mà còn tạo ra sự xung đột, mâu thuẫn với các quy định khác của Luật TTTM, cũng không thể giải thích quy định của Luật một cách nhất quán nhưng điều đó chứng tỏ rằng đối tượng chính mà Luật TTTM hướng đến để bảo vệ là lợi ích công, lợi ích quốc gia, trật tự công, những giá trị chung có tính bao trùm cả nền kinh tế. Phán quyết của Trọng tài đã xâm phạm đến lợi ích của họ, đó là sự vi phạm hiển nhiên không ai có thể chấp nhận. Chính vì vậy mà Tòa án phải chủ động thu thập chứng cứ, chứng minh và bảo vệ các đối tượng, bảo vệ lợi ích chính đáng.

Theo Điểm đ) Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01//2014/NQ-HĐTP ngày 20/03/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật TTTM đã ghi rõ: *“Tòa án chỉ hủy phán quyết Trọng tài sau khi đã chỉ ra được rằng phán quyết Trọng tài có nội dung trái với một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam mà Hội đồng Trọng tài đã không thực hiện nguyên tắc này khi ban hành phán quyết Trọng tài xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của một hoặc các bên, người thứ ba...”* Để hiểu rõ hơn trong trường hợp nào mới áp dụng cho các đương sự trong việc để hủy phán quyết Trọng tài theo quy định tại Điểm d), khoản 2 Điều 68 có hai ví dụ như sau:

Ví dụ 1: Các bên tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp và thỏa thuận này không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nhưng Hội đồng Trọng tài không ghi nhận sự thỏa thuận của các bên trong phán quyết Trọng tài. Trong trường hợp này phán quyết Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết trong lĩnh vực thương mại quy định tại Điều 11 Luật thương mại và Điều 4 BLDS. Tòa án xem xét và quyết định hủy phán quyết Trọng tài này vì trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam đã được LTM và BLDS quy định.

Ví dụ 2: Bên A (một bên tranh chấp) cung cấp chứng cứ chứng minh phán quyết của Trọng tài được lập có sự cưỡng ép, lừa dối, đe dọa hoặc hối lộ. Trong trường hợp này phán quyết Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc “*Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư*” được quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật TTTM.

Thuật ngữ “người thứ ba” trong hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP không phải là “người” có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như quy định tại Khoản 4 Điều 68 BLTTDS 2015. Người thứ ba được hiểu theo hướng là các tổ chức hoặc các nhóm tổ chức xã hội đại diện cho các lợi ích công cộng mà các tổ chức này là một bên khởi kiện, ví dụ: Phán quyết Trọng tài mà có tác động liên quan đến sức khỏe cộng đồng hay phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, lợi ích của người tiêu dùng. “Người thứ ba cũng có thể được hiểu là một quốc gia khác có quyền và lợi ích bị ảnh hưởng bởi phán quyết Trọng tài, đặc biệt trong các vụ kiện tranh chấp đầu tư được xử lý bằng Trọng tài vụ việc... Người thứ ba cũng có thể là thể nhân, tổ chức không liên quan gì đến quan hệ tranh chấp, nhưng phán quyết Trọng tài đã xâm phạm lợi ích của họ, phán quyết vi phạm công lý hiển nhiên.

Hiện nay có nhiều ý kiến liên quan đến việc hủy phán quyết Trọng tài trong đó có những thông tin mang đến cảm giác tiêu cực về việc hủy Phán quyết Trọng tài. Tuy nhiên ở góc độ phân tích và tìm hiểu thì theo thống kê của trung tâm Trọng tài từ năm 2011 đến năm 2014, sau khi Luật TTTM năm 2010 có hiệu lực, có 20 yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài của VIAC thì có đến 10 phán quyết được Tòa án chấp nhận hủy, chiếm 50% trong tổng số vụ tranh chấp yêu cầu Tòa án hủy. Năm 2015, cơ quan này đã thu lý 07 vụ; năm 2016 là 11 vụ; năm 2017 với 14 vụ; riêng 6 tháng đầu năm 2018 thụ lý 5 vụ, các năm về sau số vụ yêu cầu hủy và số vụ Tòa hủy đều tăng, khi những phán quyết Trọng tài bị hủy thì vụ tranh chấp phải giải quyết lại từ đầu, và đương nhiên nó sẽ bị kéo dài (Báo cáo của TAND Thành phố Hà Nội năm 2018).

Có những phán quyết cùng một vấn đề mà Tòa án của các vùng khác nhau Hà Nội đưa ra một giải pháp khác, thành phố Hồ Chí Minh đưa ra một giải pháp khác thì nó tạo ra một cái công lý cũng nó làm mất cái uy tín về công lý lúc đó sẽ tạo ra một câu hỏi trong người dân hoặc trong cộng đồng doanh nghiệp người ta hỏi là: một là Trọng tài có vấn đề hai là Tòa án có vấn đề chính vì vậy khi đặt ra câu hỏi có nên cho kháng cáo hoặc kháng nghị ở cấp GĐT đối với cái quyết định hủy hoặc không hủy phán quyết Trọng tài hay không đó cũng là một điều hết sức trăn trở. Nếu chúng ta cho kháng cáo ở cấp GĐT thì vô hình chung chúng ta muốn bảo vệ cái nhỏ mà lại làm lu mờ đi làm ảnh hưởng toàn bộ những cái lớn khác, ví dụ như chỉ có 40, 26% phán quyết bị hủy mà lại đi kiểm tra lại tất cả 100% phán quyết thì nó không tạo ra thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Chính vì vậy mà quan điểm chúng ta không nên cho kháng cáo đối với toàn bộ cái quyết

định hủy hoặc không hủy phán quyết Trọng tài mà chúng ta chỉ nên cho cái kháng cáo đối với quyết định nào mà Tòa án hủy phán quyết Trọng tài mà thôi. Còn nếu như đối với những cái quyết định mà Tòa án không hủy thì chúng ta không cần phải cho các bên được quyền kháng cáo, không nên kháng cáo nữa thì chúng ta vẫn giữ được những gì tốt đẹp của Luật TTTM năm 2010.

Tòa án xét đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài thì có thể tham khảo luật nước ngoài ví dụ Luật pháp của Đức thì họ cho phép cái quyết định hủy phán quyết Trọng tài có thể bị kháng cáo lên Tòa án công lý Liên bang Đức và tòa án này sẽ chỉ thụ lý đơn kháng cáo nếu mà tranh chấp có tầm quan trọng cơ bản hoặc là nếu sự phát triển của luật hoặc tính nhất quán của hệ thống pháp luật đòi hỏi phải có quyết định của Tòa án cấp cao nhất của Đức thế thì việc cho phép kháng cáo nhưng mà sẽ chỉ xem xét thụ lý đối với những phán quyết mà nó thực sự đáng xem xét để mà xem lại cái quyết định của Tòa án. Khi mà phán quyết Trọng tài bị hủy vì vấn đề thỏa thuận Trọng tài nào đó mà nó lại hoàn toàn có hiệu lực, chúng ta hiểu rằng pháp luật Việt Nam không nói gì đến vấn đề khi mà Phán quyết Trọng tài bị hủy thì cái thỏa thuận Trọng tài nó có bị mất hiệu lực hay không.

Quy định liên quan đến cái căn cứ để hủy Phán quyết Trọng tài trong nước tại Điểm b) Khoản 2 Điều 68 LTTM 2100 quy định rằng là “*Thủ tục tố tụng Trọng tài không phù hợp với thỏa thuận các bên hoặc trái với quy định của luật này*”. Cái điều này là quá khắt khe mà theo em là chỉ khi vi phạm nghiêm trọng cái thủ tục Tố tụng mới là căn cứ để hủy cũng giống như Tòa án khi xét xử cấp phúc thẩm thì Tòa án trong rất nhiều trường hợp thì Tòa cấp Phúc thẩm ví dụ như TANDCC ở các tỉnh như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng nhận định rằng cấp dưới có sai sót thật đấy nhưng mà sai sót đó không làm thay đổi bản chất, không làm thay đổi vụ việc do vậy Tòa án vẫn cứ y án như bình thường. Việc phải đòi hỏi Hội đồng Trọng tài phải Toàn vẹn trong những khía cạnh nhỏ nhất thì việc này là việc quá khắt khe, đi ngược lại với mục đích là xây dựng một cái hệ thống thân thiện với Trọng tài.

**Bảng 2.1: Dữ liệu hủy phán quyết Trọng tài Việt Nam (từ 2011-17/11/2023)**

Năm	Không hủy	Hủy	Tổng cộng	Tỷ lệ
2011	1	0	1	0%
2012	5	4	9	44%
2013	2	3	5	60%
2014	6	1	7	14%
2015	11	0	11	0%
2016	9	5	14	36%
2017	12	2	14	14%

2018	10	2	12	17%
2019	14	7	21	33%
2020	5	2	7	29%
2021	19	1	20	5%
2022	18	5	23	22%
2023	10	5	15	33%
<b>Tổng cộng</b>	<b>122</b>	<b>37</b>	<b>159</b>	<b>23%</b>

**Bảng 2.2: Lý do hủy phán quyết (từ năm 2011-11/07/2023)**

STT	Lý do hủy chủ yếu	Số lượng
1	Thỏa thuận Trọng tài không có hiệu lực (do người ký không có thẩm quyền)	8
2	Vi phạm nguyên tắc cơ bản	8
3	Người phải thi hành không được tổng đạt hợp lệ tài liệu tố tụng	3
4	Đương sự cung cấp tài liệu chứng minh giả mạo	3
5	Xem xét nội dung vụ kiện	3
6	Trọng tài viên không có thẩm quyền giải quyết	2
7	Không thỏa thuận điều kiện Trọng tài đa tầng	2
8	HĐTT không viện dẫn luật để ra phán quyết	1
9	HĐTT không thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự	1
		31

*Nguồn: Trang công bố bản án, các sách tổng hợp bản án của các tác giả Đỗ Văn Đại, Tưởng Duy Lượng.*

Chúng ta nhìn thấy tỉ lệ hủy của các năm là khác nhau, có những năm tỉ lệ hủy rất cao ví dụ năm 2013 số lượng vụ bị hủy lớn, hủy nhiều hơn không hủy nhưng cũng có thời điểm hầu như không bị hủy cái Phán quyết nào cả. Vì vậy cho nên tỉ lệ trung bình nói chung số lượng không hủy chiếm đa số, số lượng bị hủy rất nhỏ. Ở một số nước, ở một số quốc gia rất phát triển như là Singapore vẫn có một tỉ lệ hủy nhất định và tỉ lệ này nó không phải quá nhỏ như tưởng tượng, cũng có thời điểm tỉ lệ hủy lên đến 20%. Dựa vào bảng số liệu có thể thấy số lượng hủy nhiều nhất là người ký không có Thẩm quyền, số lượng bị hủy nhiều thứ hai là liên quan đến các nguyên tắc cơ bản.

Từ năm 2011 đến năm 2022 VIC thu lý hơn 2000 vụ tranh chấp vậy thì câu hỏi đặt ra với cái quyết định Tòa án hủy như vậy thì trên tổng số cái vụ kiện được đưa ra giải quyết bằng Trọng tài thì nó vào khoảng bao nhiêu %. Và so với các bản án sơ thẩm của Tòa án mà bị kháng cáo để xem xét lại cấp phúc thẩm thì nó như thế nào? Câu trả lời là



trong số 100% số vụ kiện đưa ra tranh chấp Trọng tài mà ra Phán quyết thì khoảng 10% trong số đó là người ta không đồng ý không muốn tự nguyện thi hành và người ta có đơn xin hủy chỉ dưới 10% thôi, thì mới dẫn đến con số là có 23% của cái 10% đó nó khác biệt rất nhiều nếu như mang vụ kiện ra Tòa án mà thua ở giai đoạn sơ thẩm thì khoảng 90% vụ thua kiện sơ thẩm người ta sẽ kháng cáo nên phúc thẩm. Đó cũng là sự khác biệt quan trọng giữa Tòa án và Trọng tài, nếu không làm rõ thì sẽ bị hiểu nhầm rằng cứ 100 phán quyết được ban hành thì  $\frac{1}{4}$  số đó bị hủy thì rất là nguy hiểm.

#### *2.1.4. Công nhận cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.*

Định nghĩa Trọng tài nước ngoài hay chính xác hơn là thuật ngữ đang được sử dụng trong quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành đó chính là phán quyết của Trọng tài nước ngoài. Việc xác định phán quyết Trọng tài nước ngoài và phán quyết Trọng tài trong nước có một ý nghĩa quan trọng trong việc xác định cơ chế áp dụng sẽ là cơ chế hủy hay là cơ chế công nhận cho thi hành. Như chúng ta biết thì hai cơ chế này sẽ có hệ quả pháp luật khác nhau. Cụ thể nếu mà một phán quyết Trọng tài, một phán quyết Trọng tài nước ngoài bị từ chối ở một quốc gia thì nó vẫn sẽ có khả năng có thể được công nhận và cho thi hành tại một quốc gia khác. Tuy nhiên nếu một phán quyết Trọng tài bị hủy quốc gia mà Trọng tài đó được tuyên thì khả năng cao là phán quyết đó sẽ không được xem xét công nhận cho thi hành tại bất cứ quốc gia nào khác.

Theo quy định của công ước Newyork 1958 đoạn thứ nhất Khoản 1 Điều 1 đưa ra hướng tiếp cận thứ nhất đó chính là phán quyết Trọng tài nước ngoài là phán quyết được ban hành ngoài lãnh thổ của nước công nhận cho thi hành đoạn thứ hai Khoản 1 Điều 1 đưa ra hướng tiếp cận thứ hai dẫn chiếu đến Nội luật trong việc xác định cụ thể phán quyết Trọng tài nước ngoài sẽ là phán quyết được ban hành trong lãnh thổ của nước không nhận cho thi hành tuy nhiên không được xem là phán quyết Trọng tài trong nước theo quy định nội luật của quốc gia đó, có thể thấy là công ước Newyork 1958 đưa ra hai hướng tiếp cận về khái niệm phán quyết Trọng tài nước ngoài đều dẫn chiếu đến yếu tố lãnh thổ trong khi đó thì Luật TTTM lại có cách tiếp cận khác. Theo quy định tại Luật TTTM 2010 hiện hành thì phán quyết của Trọng tài nước ngoài là phán quyết do Trọng tài nước ngoài tuyên không quan trọng là sẽ được tuyên ở trong lãnh thổ của Việt Nam hay lãnh thổ ngoài Việt Nam. Trọng tài nước ngoài là Trọng tài được thành lập theo quy định của pháp luật Trọng tài nước ngoài do các bên thảo thuận lựa chọn để tiến hành giải quyết tranh chấp ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc trong lãnh thổ Việt Nam.

Như vậy chúng ta có thể đưa ra một nhận xét tóm gọn là theo Luật TTTM thì hướng xác định phán quyết Trọng tài nước ngoài đang dựa trên yếu tố cơ quan ban hành phán quyết Trọng tài đó là Trọng tài nước ngoài thay vì yếu tố lãnh thổ nơi phán quyết Trọng tài được tuyên như là ở Công ước Newyork 1958 với hướng tiếp cận Trọng tài

nước ngoài có độ vênh nhất định đối với Công ước hệ quả là có những phán quyết được tuyên ở Việt Nam nhưng được tuyên bởi Hội đồng Trọng tài nước ngoài thì sẽ bị coi là phán quyết Trọng tài nước ngoài hệ quả là áp dụng sẽ là cơ chế công nhận cho thi hành. Trong khi đó các quốc gia khác nếu mà đi theo hướng tiếp cận của Công ước NewYork 1958 cũng sẽ coi phán quyết Trọng tài được tuyên ở Việt Nam là phán quyết Trọng tài nước ngoài dẫn đến một khả năng là không một quốc gia nào sẽ xem xét Phán quyết Trọng tài này là phán quyết Trọng tài trong nước theo đó thì sẽ dẫn đến hệ quả là không có một Tòa án nào có thẩm quyền hủy bỏ phán quyết Trọng tài đó.

Đối với vấn đề thi hành phán quyết Trọng tài thì chúng ta đều biết một phán quyết có thể sẽ cần thi hành tại quốc gia mà phán quyết đó được tuyên nhưng đồng thời cũng phải được thi hành tại quốc gia khác nơi mà phán quyết Trọng tài đó không được tuyên nhưng mà người phải thi hành lại phải có tài sản ở đó. Điều này sẽ dẫn đến một yêu cầu đó là chúng ta sẽ phải áp dụng quy định của pháp luật của các quốc gia khác nhau khi mà xem xét đến câu hỏi rằng thi hành Phán quyết Trọng tài. Như vậy việc tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ như tinh thần của Công ước Newyork 1958 và Luật mẫu sẽ hạn chế được rào cản và khó khăn trong việc thi hành phán quyết Trọng tài.

Trong thực tế tại Bộ Tư pháp, việc giải thích các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam khi có những dự án đầu tư nước ngoài mà họ mong muốn áp dụng luật nước ngoài thì BLDS của chúng ta chỉ cho phép là áp dụng pháp luật nước ngoài trong trường hợp mà cái việc áp dụng đó nó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và cũng gây tranh cãi rất là nhiều. Phải nói rằng đây là vấn đề về chính sách và em thấy các quốc gia khác họ cũng có cái chính sách tương tự để bảo đảm rằng là việc công nhận và cho thi hành một Phán quyết Trọng tài nước ngoài không đi ngược lại với các chính sách pháp luật của quốc gia mình và được thể hiện dưới các thuật ngữ khác ví dụ như là không trái với chính sách công, trật tự công, lợi ích công và nếu như mà Luật Trọng tài của chúng ta đi theo vấn đề là sử dụng thuật ngữ như là chính sách công thì nó lại có thể đưa đến một câu chuyện khác là giải thích chính sách công như thế nào.

Tuy nhiên thuật ngữ chính sách công đó nó cũng có thể là một cái gọi mở tốt bởi hiện nay Luật mẫu UNITRAL vẫn đang dùng thuật ngữ “chính sách cộng đồng” và pháp luật Trọng tài của nhiều quốc gia họ cũng sử dụng cái thuật ngữ đó. Ví dụ như Luật Trọng tài Thụy Sĩ hay là Luật Trọng tài Đức, Luật Trọng tài Pháp họ còn mở rộng đến hai cái layer của trật tự công tức là không chỉ là trật tự công của quốc gia mình mà còn là cả trật tự công quốc tế. trong trường hợp của Tòa công lý Châu Âu họ có một phán quyết khẳng định là các quốc gia EU phải cân nhắc không chỉ chính sách công mà còn cả xem xét một Phán quyết Trọng tài. Và nếu như chúng ta sử dụng thuật ngữ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam thì thực sự là một vấn đề tranh cãi, nó rất dễ bị lạm dụng.

Yêu cầu và cho công nhận thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài, cái văn bản pháp lý điều chỉnh trong lĩnh vực này đó chính là Bộ luật TTDS và chúng ta đã làm rất nhiều đề rồi cái quy định của BLTTDS năm 2015 đã có những quy định tương thích với Công ước NewYork cũng như là thực tiễn nhưng có một cái gọi là điểm bẫy, điểm mấu chốt đó là nghĩa vụ chứng minh thì thực ra em hiểu với quy định theo BLTTDS rằng nếu một bên mà yêu cầu Tòa án không công nhận và cho thi hành cái Phán quyết của Trọng tài nước ngoài thì họ phải có nghĩa vụ chứng minh hay nói tóm lại là bên bị đơn là bên phải thi hành. Điều này không phải là cách hiểu của các Thẩm phán, ở các Tòa khác nhau thì có cách hiểu khác nhau, chính vì vậy rất nhiều Thẩm phán nói rằng nếu mà phạm vi thẩm quyền của Tòa án Việt Nam chỉ là xem xét về mặt thủ tục, chỉ là xem xét về các khía cạnh liên quan đến hình thức thì còn gọi gì là chủ quyền nữa, thì còn gọi gì là vấn đề thẩm quyền của Tòa án nữa. Do vậy, dẫn đến việc yêu cầu bên yêu cầu thi hành phải cung cấp thêm nhiều tài liệu nữa, mà cái việc cung cấp thêm nhiều tài liệu nữa nó dẫn đến rằng là vì đã cung cấp cho nên bên kia càng có cái cơ để nói như thế chưa đủ.

**Bảng 2.3: Dữ liệu công nhận và cho thi hành Phán quyết tại Việt Nam của Trọng tài nước ngoài (từ 01/01/2012-17/11/2023)**

Năm	Công nhận	Không công nhận	Tổng cộng	Tỷ lệ không công nhận
2012	12	2	14	14%
2013	6	2	8	25%
2014	6	12	18	67%
2015	4	4	8	50%
2016	0	4	4	100%
2017	2	2	4	50%
2018	4	0	4	0%
2019	6	0	6	0%
2020	1	0	1	0%
2021	2	1	3	33%
2022	2	1	3	33%
2023	1	0	1	0%
<b>Tổng</b>	46	28	74	38%

**Bảng 2.4: Số liệu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài**

STT	Lý do không công nhận chủ yếu	Số lượng
1	Thỏa thuận Trọng tài không có hiệu lực ( do người ký không có thẩm quyền)	11
2	Người phải thi hành không được tổng đạt hợp lệ tài liệu tố tụng	21
3	Vi phạm nguyên tắc cơ bản	4
4	Thủ tục chỉ định Trọng tài viên không hợp lệ	2
5	Không có thỏa thuận xét xử không tổ chức hearing	1
6	Tranh chấp không được giải quyết theo thể thức Trọng tài theo thỏa thuận	1
7	Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc nên không thể là bị đơn trong các thủ tục tố tụng tại Trọng tài	1
8	Trọng tài viên không có thẩm quyền giải quyết yêu cầu tới L/C	1
9	Xem xét nội dung vụ kiện	1

(Nguồn: Trang công bố bản án, các danh sách tổng hợp bản án của tác giả Đỗ Văn Đại, Tưởng Duy Lượng)

Tỷ lệ không công nhận và cho thi hành lên đến khoảng 38% trong đó có một số năm thì có tỉ lệ rất là cao. Rất nhiều Phán quyết nước ngoài đã bị hủy tại Việt Nam và lý do chủ yếu bị hủy phần lớn là do người ký không có thẩm quyền và cái người phải thi hành không được tổng đạt tài liệu hợp lệ cho nên cái vi phạm nguyên tắc cơ bản trong các phán quyết Trọng tài nước ngoài nó lại không cao như Phán quyết Trọng tài trong nước mà cái tỉ lệ liên quan đến việc không được tổng đạt một cách hợp lệ nó lại rất nhiều. Chúng ta thấy có số lượng 11 và 21 vụ việc là không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam.

#### 2.1.5. Thi hành phán quyết Trọng tài

Sự ra đời của Luật Trọng tài thương mại năm 2010, thay thế pháp lệnh năm 2003 đã tạo ra khuôn khổ pháp lý đồng bộ để giải quyết các tranh chấp thương mại cũng như một số vấn đề liên quan khác. Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đang có nhiều chính sách ưu tiên thúc đẩy hoạt động TTTM phát triển. Các Trung tâm Trọng tài đang ngày càng phát triển và lan rộng tầm ảnh hưởng. Vì vậy việc đảm bảo hiệu lực thi hành các phán quyết Trọng tài thương mại không những có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tranh chấp mà còn góp phần tạo nên môi trường kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư, phát triển nền kinh tế thị trường Việt Nam.

Theo quy định pháp luật phán quyết của TTTM được tổ chức thi hành theo trình tự, thủ tục thi hành án dân sự, kể cả thủ tục cưỡng chế thi hành án. Thực tiễn, hoạt động thi hành án dân sự thời gian qua và hiện nay không có sự phân biệt giữa việc thi hành phán quyết, quyết định TTTM với thi hành bản án, quyết định Tòa án, hoàn toàn không có sự phân biệt trong cả các hoạt động tác nghiệp và tâm lý củ Chấp hành viên. Quá trình thi hành án, bên được thi hành phán quyết trọng tài hợp tác giải quyết, cung cấp thông tin về người phải thi hành án cũng như tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành để Chấp hành viên có cơ sở xác minh xử lý thi hành theo quy định pháp luật. Việc thi hành phán quyết Trọng tài có sự thống nhất cao, tương đồng như việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án là tín hiệu tốt, thể hiện hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh doanh –thương mại bằng phương thức TTTM.

Kết quả thống kê thi hành phán quyết Trọng tài tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2020 đến hết 31/07/2022:

-Năm 2020: Số vụ phải thi hành phán quyết Trọng tài 209 việc, đã thi hành xong 24 việc (đạt tỷ lệ 11,48%).

-Năm 2021: Số vụ việc phải thi hành 324 việc, đã thi hành xong 10 việc (đạt tỷ lệ 3,09%), -Trong 09 tháng đầu năm 2022: số vụ việc phải thi hành 314 việc, đã thi hành xong 09 việc (đạt tỷ lệ 2,87%).

Dựa vào kết quả thống kê trên cho thấy, mặc dù số vụ việc thi hành liên quan đến phán quyết Trọng tài không nhiều so với số lượng bản án, quyết định Tòa án, giá trị số tiền phải thi hành không lớn, tuy nhiên kết quả thi hành không cao. Phán quyết trọng tài được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 67 Luật TTTM năm 2010.

Theo quy định tại Điều 65 Luật TTTM năm 2010 thì “*Nhà nước khuyến khích các bên tự nguyện thi hành phán quyết trọng tài*”. Một phán quyết Hội đồng trọng tài trong nước sẽ được thi hành phù hợp với Luật thi hành án dân sự bởi các cơ quan thi hành án dân sự của Việt Nam mà không cần thông qua các thủ tục chấp thuận hay cho phép của Tòa án. Khi hết thời hạn thi hành phán quyết Trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định thì bên được thi hành phán quyết Trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài theo quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật TTTM năm 2010. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là ngày phán quyết của Hội đồng Trọng tài được đưa ra thi hành tại cơ quan THADS có thẩm quyền. Hiệu lực thi hành của phán quyết Trọng tài được xác định căn cứ theo Điều 61 và Điều 66 Luật TTTM năm 2010. Theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 61 Luật TTTM năm 2010 thì trong phán quyết Trọng tài có nội dung: “*Thời hạn thi hành phán quyết*”. Vì vậy, để xác định

điều kiện tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS phải căn cứ vào nội dung này để xác định hai vấn đề: Một là, thời hạn thi hành phán quyết TTTM đã hết hay chưa; Hai là, bên phải thi hành phán quyết không có yêu cầu Tòa án hủy phán quyết Trọng tài, từ đó cơ quan THADS mới có căn cứ để tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành án và thụ lý giải quyết vụ việc.

## 2.2. Những vướng mắc tồn tại

*Thứ nhất*, là về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài thương mại. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài là giới hạn những vụ việc mà pháp luật cho phép Trọng tài được giải quyết. Theo quy định tại Điều 2 Luật TTTM đã liệt kê những loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài bao gồm: *“Tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại; Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó có ít nhất một bên có hoạt động thương mại; Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài”*. Tuy nhiên đối với trường hợp *“tranh chấp phát sinh trong đó có ít nhất một bên có hoạt động thương mại”* vẫn còn tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến sự chưa thống nhất trong cách áp dụng. Cụ thể với quy định này, chỉ cần một bên trong quan hệ tranh chấp có hoạt động thương mại và lĩnh vực phát sinh tranh chấp là bất cứ lĩnh vực nào để thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài hay chỉ cần một bên trong quan hệ tranh chấp có hoạt động thương mại và lĩnh vực phát sinh tranh chấp phải là các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại, là các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi nhuận.

Ví dụ quan hệ tranh chấp phát sinh từ lao động, đáp ứng điều kiện có *“ít nhất một bên có hoạt động thương mại”* nhưng Bộ luật lao động đều không trao cho Trọng tài thương mại thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động giữa cá nhân với pháp nhân thương mại mà trao thẩm quyền giải quyết tranh chấp này cho các cơ thể như: Hòa giải viên lao động; Hội đồng Trọng tài lao động và Tòa án nhân dân.

*Thứ hai*, về thỏa thuận Trọng tài: Theo quy định về Trọng tài thương mại hiện hành, tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thỏa thuận Trọng tài. Thỏa thuận Trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp, thực tế có nhiều trường hợp các bên tranh chấp không có thỏa thuận Trọng tài tại hợp đồng. Khi xảy ra tranh chấp, các bên mong muốn lựa chọn Trọng tài để giải quyết bởi những ưu việt của phương thức giải quyết tranh chấp này. Nhưng nếu thực tế, để các bên tranh chấp ngồi lại với nhau để lập một thỏa thuận Trọng tài thì không khả thi bởi khi đã có tranh chấp, các bên thường có tâm lý bất đồng, mâu thuẫn với nhau. Vì thế mà, Luật Trọng tài thương mại cần có quy định mở hơn để các bên dễ dàng tiếp cận phương thức giải quyết Trọng tài, nên điều chỉnh theo hướng ngay cả khi không có thỏa thuận về Trọng tài nhưng khi một bên nộp đơn đi khởi kiện đến Trọng tài thương mại, bên còn

lại không phản đối thẩm quyền của Trọng tài trong một thời gian nhất định thì được xem là đồng ý với thẩm quyền Trọng tài.

*Thứ ba*, về thủ tục tố tụng. Đầu tiên về địa vị pháp lý của người thứ ba có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thực tế trong các vụ tranh chấp không chỉ có sự hiện diện của hai bên tranh chấp mà còn có sự liên quan của bên thứ ba có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc tranh chấp. Pháp luật về Trọng thương mại dường như đã bỏ quên địa vị pháp lý của người thứ ba có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Thực tiễn cho thấy có nhiều vụ việc mặc dù là tranh chấp phát sinh từ hai bên nguyên đơn và bị đơn, nhưng phán quyết của Trọng tài có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba.

Ví dụ: Nguyên đơn công ty TNHH A khởi kiện bị đơn Tổ chức tín dụng B tại Trọng tài thương mại tranh chấp hợp đồng vay mà hai bên đã ký kết theo đó Ngân hàng đề nghị Hội đồng Trọng tài giải quyết: yêu cầu bị đơn trả nợ vay, và nếu bị đơn không trả được nợ vay thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp đã có đăng ký giao dịch bảo hiểm. Trên thửa đất tranh chấp có tài sản là mảnh đất, nhà máy, công trình xây dựng khác của bên thứ ba- bên C. Việc xử lý tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng B sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi của bên C. Pháp luật về Trọng tài thì không quy định địa vị pháp lý của người thứ ba có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có quy định đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nào tham gia vào tố tụng nên người thứ ba không có điều kiện để biết về vụ việc tranh chấp đó, quyền lợi sẽ bị ảnh hưởng từ đó.

Tiếp đến về thời hạn cung cấp tài liệu, chứng cứ, một trong những ưu việt của phương thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại là thời gian giải quyết tranh chấp nhanh chóng. Tuy nhiên, pháp luật về Trọng tài thương mại hiện hành tiềm ẩn nhiều kẽ hở để một bên tranh chấp có thể lợi dụng kéo dài việc giải quyết vụ án, đặc biệt là quy định về thời hạn cung cấp. Pháp luật về Trọng tài thương mại chưa có quy định về thời điểm cuối cùng các bên tranh chấp được cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lập luận của mình có cơ sở, dẫn đến hệ quả là các bên tham gia giải quyết tranh chấp có thể tùy ý cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ việc tranh chấp tại bất kỳ thời điểm nào khiến cho việc giải quyết tranh chấp của Hội đồng Trọng tài gặp nhiều khó khăn, kéo dài. Giả định nếu một trong các bên cung cấp chứng cứ mới mà bên còn lại cũng như Trọng tài thương mại chưa được tiếp cận trước đó, chứng cứ mới này là mấu chốt có thể thay đổi toàn bộ nội dung tranh chấp, nhưng tại phiên họp giải quyết tranh chấp, Hội đồng Trọng tài chưa có đủ điều kiện để xem xét toàn diện chứng cứ mới thì buộc phải dừng phiên họp để xem xét, có thể dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ tranh chấp.

Về căn cứ hủy phán quyết Trọng tài là “*cơ quan Tài phán tư*” nên trong quá trình giải quyết tranh chấp vẫn cần có sự hỗ trợ, can thiệp của Tòa án với tính chất là cơ quan giải quyết tranh chấp mang tính quyền lực Nhà nước. Pháp luật cũng có những quy định thể hiện mối liên hệ giữa Tòa án với Hoạt động Trọng tài cụ thể tại điều 414 BLTTDS năm 2015 quy định những việc dân sự liên quan đến hoạt động Trọng tài thương mại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án: “*Chỉ định, thay đổi Trọng tài viên; Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; Hủy phán quyết Trọng tài; Giải quyết khiếu nại đối với quyết định của Hội đồng Trọng tài về thỏa thuận Trọng tài vô hiệu, thỏa thuận Trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài; Thu thập chứng cứ; Triệu tập người làm chứng; Đăng ký phán quyết Trọng tài; Các việc dân sự khác mà pháp luật về Trọng tài thương mại Việt Nam có quy định*”. Nhưng sự can thiệp được cho là sâu sắc nhất của Tòa án vào hoạt động của Trọng tài là Tòa án có thể hủy Phán quyết Trọng tài theo quy định tại Điều 68 Luật TTTM năm 2010. Một trong những căn cứ phổ biến được sử dụng để hủy Phán quyết Trọng tài là “*Phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*”.

Mặc dù Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP có hướng dẫn về căn cứ hủy phán quyết Trọng tài khi: “*Phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*” nhưng hướng dẫn này còn chung chung, dẫn đến việc áp dụng còn tùy nghi, thậm chí trong một số trường hợp xảy ra tình trạng “lạm dụng” để hủy phán quyết trọng tài.

Ví dụ về một vụ việc thực tế: Tại quyết định về hủy Phán quyết Trọng tài số 07/2019/QĐ-PQTT ngày 18/07/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã nhận định về cơ sở hủy Phán quyết Trọng tài như sau: “.....Tại phiên họp ngày 25/01/2019 X đã đệ trình hợp lệ bản cứng 2 văn bản nói trên và lời khai nhân chứng của ông Trần Văn C. Hơn nữa đến ngày mở phiên họp là ngày 25/01/2019 X mới được thông báo về việc Hội đồng Trọng tài đã đồng ý theo yêu cầu của D cho mời thêm một số nhân chứng để tham gia phiên họp và đưa ra lời khai làm chứng.

Như vậy X đã không nhận được thông báo về việc Hội đồng Trọng tài triệu tập thêm nhân chứng tham gia phiên họp tự bảo vệ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, mặc dù bị đơn đã phản đối việc gửi giấy triệu tập của VIAC và Hội đồng Trọng tài nhưng không được giải quyết, Hội đồng Trọng tài đã vi phạm Điều 12 Luật Trọng tài thương mại quy định về gửi thông báo và trình tự gửi thông báo. Tổng hợp những tình tiết ở trên, thể hiện Hội đồng Trọng tài đã không công bằng trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp. Hội đồng Trọng tài đã vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Cụ thể vi phạm Điều 3 BLDS năm 2015 quy định về nguyên tắc bình đẳng và Điều 4 Luật Trọng tài thương mại quy định về nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng



Trọng tài, đồng nghĩa với việc đối xử không công bằng với X. Qua vụ việc thực tế trên có thể thấy một số sai lầm, vướng mắc của Hội đồng Trọng tài về thủ tục tố tụng, chưa nói đến việc có thể làm thay đổi bản chất vụ án, Phán quyết của Hội đồng Trọng tài thương mại hay không, nhưng cũng đủ là sơ sở để Tòa án hủy phán quyết Trọng tài với căn cứ “*phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*”. Theo số liệu thống kê tại trang thông tin điện tử công bố bản án 4, quyết định Tòa án nhân dân tối cao tính đến nay đã có hơn 150 phán quyết Trọng tài trong nước và nước ngoài bị hủy bởi Tòa án. Càng về sau, số lượng các phán quyết Trọng tài bị hủy càng lên nhiều, mặc dù Trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp nhanh gọn có nhiều ưu điểm, nhưng nhiều trường hợp không chọn giải quyết tranh chấp tại Trọng tài là do e ngại việc phán quyết Trọng tài có thể bị hủy bỏ bởi Tòa án.

Cuối cùng vướng mắc về thi hành phán quyết Trọng tài. Qua thời gian thi hành từ năm 2011 đến nay, Luật TTTM năm 2010 đã bộc lộ không ít những bất cập, nhất là việc Luật THADS năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 dẫn đến một số quy định tại Luật TTTM không còn phù hợp, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả thi hành các phán quyết Trọng tài thương mại. Đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến các doanh nghiệp chưa tin tưởng trong việc lựa chọn TTTM là phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh –thương mại như hiện nay.

Số vụ việc phán quyết Trọng tài được thi hành chưa cao do còn khó khăn trong việc xác minh tài sản của người phải thi hành tại nhiều địa phương đặc biệt khi các tổ chức cá nhân là người nước ngoài, một số phán quyết Trọng tài tuyên nội dung không cụ thể, không rõ ràng cũng gây vướng mắc trong quá trình thi hành án, hiện tượng bên phải thi hành lợi dụng yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài tại Tòa án để có thời gian tẩu tán tài sản vẫn khá phổ biến khiến cho số vụ thi hành phán quyết TTTM còn khá khiêm tốn. Một số vướng mắc, bất cập trong việc thi hành phán quyết trọng tài theo quy định Luật TTTM và Luật THADS có thể nhắc đến như:

*Thứ nhất*, về chủ thể yêu cầu thi hành phán quyết Trọng tài thương mại. Theo căn cứ quy định tại Điều 66 Luật TTTM năm 2010 thì bên được thi hành phán quyết Trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết Trọng tài. Trong khi đó, pháp luật về THADS quy định về quyền thi hành án là của đương sự, nghĩa là bao gồm người được thi hành án và người phải thi hành án. Như vậy, trường hợp bên phải thi hành phán quyết trọng tài có yêu cầu cơ quan THADS thi hành phán quyết Trọng tài thì cơ quan đó có thụ lý, ra quyết định thi hành án và tổ chức thi hành án hay không? Đây là điểm bất cập giữa Luật TTTM năm 2010 với pháp luật về THADS hiện nay.

*Thứ hai*, về thủ tục tiếp nhận yêu cầu thi hành phán quyết Trọng tài. Để xác định điều kiện tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS cần phải xác định hai vấn đề: Một là, đã hết thời hạn thi hành phán quyết Trọng tài hay không; hai là, bên phải thi hành án có yêu cầu Tòa án hủy phán quyết Trọng tài hay không; đối với phán quyết của Trọng tài vụ việc thì phán quyết đã đăng ký hay chưa? Từ đó, cơ quan THADS mới có căn cứ để tiếp nhận yêu cầu, thụ lý giải quyết hay từ chối yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác nhận tình trạng pháp lý của phán quyết Trọng tài đang gặp khó khăn. Để yêu cầu thi hành phán quyết Trọng tài, người yêu cầu thi hành án phải chứng minh phán quyết đó không bị Tòa án tuyên hủy, nhưng trên thực tế rất ít trường hợp nhận được trả lời của Tòa án dẫn đến hồ sơ thi hành án bị chậm. Pháp luật hiện nay chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm xác định tình trạng pháp lý của phán quyết Trọng tài khi yêu cầu thi hành án là cơ quan THADS hay của người có yêu cầu thi hành án.

*Thứ ba*, nội dung phán quyết Trọng tài đã tuyên khó thi hành. Một số phán quyết Trọng tài tuyên không cụ thể, rõ ràng gây khó khăn cho quá trình thi hành án, thực tế có những phán quyết của TTTM tuyên khoản nghĩa vụ buộc thực hiện công việc nhất định, nhưng công việc đó là phải do người thi hành án và người được thi hành án cùng tự nguyện thực hiện, cơ quan, tổ chức hay cá nhân khác không thể thực hiện thay công việc đó. Với những phán quyết như vậy thì sau khi ra quyết định thi hành án, cơ quan THADS rất khó để tổ chức thi hành án.

*Thứ tư*, về trình tự, thủ tục thi hành phán quyết Trọng tài thương mại. Theo quy định của pháp luật hiện hành không có cơ chế để xem xét lại phán quyết theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm. Mặt khác, pháp luật THADS cũng không quy định trình tự, thủ tục riêng đối với việc thi hành phán quyết Trọng tài (hiện nay vẫn áp dụng thủ tục chung về THADS như Bản án, Quyết định Tòa án); nhiều trường hợp nội dung của phán quyết không rõ, không thể thi hành thì cơ quan THADS cũng không được yêu cầu giải thích, đính chính hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm kháng nghị để giải quyết, dẫn đến việc thi hành phán quyết bị tồn đọng, dễ gây ra bức xúc đối với các bên đương sự vì lý do trên.

### **2.3. Pháp luật của một số nước về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại.**

#### *2.3.1. Pháp luật Hoa Kỳ về công nhận và thi hành phán quyết Trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại.*

Hoa Kỳ là một trong các quốc gia thành viên Công ước NewYork 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài quốc tế. Vì vậy, tuân theo Công ước này và phù hợp với Luật mẫu của UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế 1985, Tòa án ở Hoa Kỳ được giao quyền công nhận và buộc hi hành phán quyết Trọng tài trong lĩnh

vực thương mại. Bên cạnh đó các quy định của Công ước NewYork 1858 cũng đã được nội luật hóa trong Luật Trọng tài Liên Bang Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ, Hội đồng Trọng tài viên khi ban hành phán quyết Trọng tài không đồng nghĩa với việc phán quyết Trọng tài có hiệu lực thi hành mặc dù có tính ràng buộc với các bên trong tranh chấp giống như kết quả của Hòa giải. c. Tuy nhiên một số ít các tiểu bang Hoa Kỳ không đi theo cách truyền thống này về công nhận phán quyết Trọng tài. Ví dụ như tiểu bang Alabama, Luật trọng tài Alabam quy định phán quyết Trọng tài có hiệu lực thi hành kể từ ngày phán quyết được ban hành. Trong vòng 10 ngày kể từ khi ban hành nếu bên phải thi hành án không thực hiện theo phán quyết Trọng tài thì bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thư ký Tòa án thực hiện thủ tục công nhận phán quyết Trọng tài, biến phán quyết đó thành quyết định của Tòa án.

Đối với phán quyết Trọng tài trong nước căn cứ theo điều 5 của Công ước NewYork, nội luật hóa trong FAA, Tòa án Hoa Kỳ sẽ từ chối công nhận phán quyết Trọng tài giải quyết tranh chấp thương mại nếu (i) Thỏa thuận Trọng tài không hợp pháp;(ii) Bên phản đối phán quyết không được thông báo chính xác về việc chỉ định Trọng tài, thủ tục Trọng tài hoặc không thể trình bày quan điểm phản bác của mình trong vụ tranh chấp, (iii) Hội đồng Trọng tài xét xử vượt quá thẩm quyền theo vụ việc hoặc theo thỏa thuận trong thỏa thuận Trọng tài, (iv) Hội đồng Trọng tài được thành lập hoặc thủ tục tố tụng Trọng tài không tuân theo thỏa thuận Trọng tài hoặc không đúng quy định pháp luật nơi Hội đồng Trọng tài đặt trụ sở. Trên thực tế, Tòa án Mỹ đã hạn chế tối đa các trường hợp không công nhận thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài do trái với nguyên tắc chung của cộng đồng bằng cách đưa ra giới hạn “chỉ khi việc công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài gây ảnh hưởng nghiêm trọng và cơ bản đến quan điểm của các tiểu bang về đạo đức và công lý”.

Về trình tự, thủ tục, theo quy định của FAA, khi nộp đơn xin Tòa án công nhận thi hành phán quyết Trọng tài, các bên phải nộp tại Tòa án được chỉ định trong thỏa thuận Trọng tài hoặc Tòa án tại quận nơi Trọng tài viên ban hành phán quyết Trọng tài nếu thỏa thuận Trọng tài không chỉ định rõ. Bên cạnh đó, một số tiểu bang như Connecticut, Ohio... lại áp dụng quy định của Công ước Panama về nguyên tắc giải quyết tranh chấp, quy định khi nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thi hành phán quyết Trọng tài, các bên phải nộp đơn tại Tòa án có thẩm quyền (tương tự như trường hợp lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng Tòa án) theo quy định của Quy tắc tố tụng dân sự Liên Bang. Về thời hiệu, FAA quy định thời hiệu yêu cầu công nhận thi hành phán quyết Trọng tài là một năm đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài và ba năm với tranh chấp có yếu tố nước ngoài Sau khi được công nhận thi hành, bên được thi hành án được thực hiện hoạt động cưỡng chế tuân theo quy tắc số 69 Quy tắc tố tụng dân sự Liên bang về thi hành phán quyết của Tòa án.

### *2.3.2. Pháp luật Singapore về công nhận và thi hành phán quyết Trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp thương mại*

Pháp luật Singapore có nhiều điểm tương đồng với pháp luật Việt Nam trong việc quy định về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động thương mại. Tuy nhiên việc công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài Singapore được phân biệt thành hai loại là phán quyết Trọng tài Trong nước điều chỉnh bởi Luật trọng tài năm 2001 sửa đổi năm 2020 và phán quyết Trọng tài nước ngoài được điều chỉnh bởi Luật trọng tài quốc tế năm 1994 sửa đổi năm 2020.

Phán quyết trọng tài trong nước đối với lĩnh vực thương mại ở Singapore có giá trị ràng buộc các bên kể từ thời điểm ban hành và được thi hành với hiệu lực và thủ tục tương tự như bản án hoặc quyết định của Tòa án. Đối với phán quyết Trọng tài nước ngoài, Singapore cho phép phán quyết Trọng tài của 155 nước thành viên Công ước NewYork được công nhận và thi hành tại nước này trừ các ngoại lệ được quy định trong Luật Trọng tài quốc tế liên quan đến hiệu lực của thỏa thuận Trọng tài hoặc gây ảnh hưởng đến lợi ích Nhà nước trái với các nguyên tắc chung. Cụ thể, Tòa án cao cấp tại Singapore (có thẩm quyền đối với phán quyết Trọng tài nước ngoài) phải công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài quốc tế trong trường hợp không vi phạm các khoản nêu trong Điều 5 Luật Trọng tài quốc tế. Để yêu cầu Tòa án công nhận thi hành phán quyết Trọng tài, bên thắng kiện phải nộp hồ sơ cho Tòa án bao gồm thỏa thuận Trọng tài, nội dung phán quyết Trọng tài bằng bản gốc, hoặc bản sao có công chứng, chứng thực (Thời hạn quy định nộp đơn là 6 năm kể từ ngày ban hành phán quyết Trọng tài).

Các bên có quyền kháng cáo quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài thương mại ở Singapore khi có sự cho phép của Tòa án và thỏa mãn những điều kiện tương đối “ngặt nghèo” theo Khoản 5 Điều 49 Luật Trọng tài thương mại năm 2020 Singapore bao gồm (i) vấn đề kháng cáo ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của một bên hoặc nhiều bên, (ii) vấn đề kháng cáo thuộc nội dung giải quyết của trọng tài, (iii) Phán quyết trọng tài sai rõ ràng hoặc có nghi vấn rằng phán quyết đó gây ảnh hưởng lợi ích công cộng, (iv) Tòa án có đủ thẩm quyền về mặt nội dung và hình thức để giải quyết vấn đề kháng cáo mặc dù các bên đã có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng phương thức Trọng tài. Tuy nhiên, quyền kháng cáo đối với quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài có thể bị loại trừ nếu trong thỏa thuận Trọng tài các bên đã từ bỏ quyền kháng cáo (waiver) và công nhận phán quyết Trọng tài là chung thẩm, có hiệu lực thi hành bắt buộc ngay lập tức.

### 2.3.3. Bài học kinh nghiệm dành cho Việt Nam

Thông qua việc nghiên cứu pháp luật Hoa Kỳ và Singapore về công nhận và thi hành phán quyết Trọng tài thương mại, em nhận thấy cần đưa ra một số bài học kinh nghiệm để góp phần hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực thương mại như sau:

*Thứ nhất*, cần nghiên cứu và cân nhắc cơ chế công nhận và thi hành phán quyết Trọng tài theo hướng đơn giản hóa về trình tự, thủ tục. Trên cơ sở tiếp thu những kinh nghiệm của Hoa Kỳ trong quy định về địa điểm nộp đơn đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài, cần sửa đổi Điều 8 Luật TTTM 2010 của Việt Nam về cách xác định cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án phán quyết Trọng tài, Cụ thể Khoản 1 Điều 8 quy định: “*Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết Trọng tài là Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết*”. Quy định này gây khó khăn cho doanh nghiệp có phạm vi hoạt động trên khắp cả nước khi nộp đơn yêu cầu thi hành phán quyết. Do vậy mà cần sửa đổi theo hướng mở rộng phạm vi cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành phán quyết Trọng tài, bao gồm cả cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi bên thi hành Phán quyết có tài sản hoặc có trụ sở chính. Quy định như vậy, góp phần làm giảm tải cho các cơ quan THADS nơi tập trung nhiều vụ việc Trọng tài thương mại và cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho bên được thi hành phán quyết.

*Quốc* Bên cạnh đó thời hiệu yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết trọng tài ở Hoa Kỳ là ba năm trong khi Việt Nam là 5 năm. Có thể hiểu sự khác nhau về quy định thời hiệu này xuất phát từ những điểm khác về điều kiện kinh tế- xã hội cũng như quan điểm lập pháp về phán quyết Trọng tài thương mại. Chính vì vậy, mà cần thiết phải sửa đổi quy định pháp luật Việt Nam về thời hiệu, thời hạn công nhận và thi hành phán quyết Trọng tài thương mại theo hướng nhanh chóng, hiệu quả, kịp thời để đảm bảo lợi ích chính đáng của bên được thi hành án.

## 2.4. Thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam

### 2.4.1. Thực tiễn áp dụng giải quyết tranh chấp thương mại trong nước tại trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam

Giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm trọng tài quốc tế đã phổ biến ở hầu hết các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Ở nước ta do đặc thù nền kinh tế, chính trị, xã hội nên hình thức này ngày càng phát triển, nhưng muộn hơn so với các nước khác. Từ năm 1993 đến nay trước sự đòi hỏi của thực tiễn, ngày 28/04/1993, Thủ tướng chính phủ ra quyết định 204/1993/TTg về việc thành lập trung tâm Trọng tài quốc

tế Việt Nam (VIAC). Trung tâm này được ghi nhận là tổ chức phi chính phủ được thành lập bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ kinh tế quốc tế như các hợp đồng mua bán ngoại thương, các hợp đồng đầu tư, du lịch, vận tải và bảo hiểm quốc tế, chuyển giao công nghệ, tín dụng và thanh toán quốc tế.

Nhằm loại bỏ rào cản của pháp luật đối với sự phát triển của Trọng tài cũng như để đáp ứng yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng phương thức này ngày càng gia tăng, đồng thời thể hiện sự tôn trọng quy tắc chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế, ngày 25/04/2003 Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành pháp lệnh Trọng tài thương mại, tiếp đến Luật Trọng tài thương mại được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2010 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, khắc phục việc phân định không rõ ràng phạm vi thẩm quyền của Trọng tài đối với các tranh chấp thương mại, cho phép Trọng tài viên là người nước ngoài cũng như nội luật hóa các cam kết quốc tế Việt Nam về dịch vụ Trọng tài...

Với lợi thế đó, trong 4 năm qua, từ (từ 2011 đến 31/12/2015 các Trung tâm trọng tài đã ban hành 1.831 phán quyết Trọng tài, riêng trong năm 2015, các Trung tâm trọng tài đã giải quyết được 1.255 vụ tăng 389 vụ việc so với năm 2014. Thực tế, số vụ việc thông qua Trọng tài thương mại có tăng nhưng vẫn chiếm chưa đến 1% trên tổng số vụ tranh chấp được Tòa án thụ lý, xét xử hàng năm. Đội ngũ Trọng tài viên cũng không ngừng được mở rộng. Tuy nhiên Trọng tài thương mại Việt Nam vẫn chưa khởi sắc khi phương thức giải quyết tranh chấp này chỉ khoảng 11% tổng số tranh chấp thương mại. Số vụ tranh chấp mà VIAC thụ lý trong năm 2011 là 83, vẫn rất khiêm tốn nếu so với 188 vụ mà Trung tâm Trọng tài quốc tế Singapore (SIAC) giải quyết hay ủy ban Trọng tài Bắc Kinh là 1500 vụ. Nguyên nhân là do những quy định của pháp luật hiện hành vẫn còn nhiều thiếu sót, chông chéo, chưa rõ ràng cụ thể. Luật TTTM năm 2010 mặc dù phần nào đáp ứng yêu cầu thực tế song một thời đi vào hoạt động đã bộc lộ nhiều điểm hạn chế, chưa hợp lý. Chưa kể thói quen tập quán của thương nhân Việt Nam sẽ tin tưởng Tòa án hơn Trọng tài, hơn nữa trình độ các Trọng tài viên còn chưa chuyên nghiệp, trong khi các tranh chấp thương mại thì ngày càng phức tạp, nhất là tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

Việc áp dụng Luật TTTM cũng đang là một vấn đề đáng quan tâm bởi ở Việt Nam ngoài Hòa giải, Thương lượng, Tòa án, Trọng tài cũng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh và thượng tôn pháp luật. Theo Báo cáo số 74/BC-BTP ngày 08/04/2016 của Bộ Tư pháp về sơ kết 4 năm thi hành Luật Trọng tài thương mại năm 2010 trong 4 năm từ 2011 đến 31/12/2015 các trung tâm Trọng tài đã thi hành 1.831 phán quyết Trọng tài, riêng trong năm 2015 các trung

tâm Trọng tài đã giải quyết được 1.255 vụ tăng 389 vụ so với năm 2014. Tính trong năm 2017, riêng Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) đã giải quyết 151 vụ tranh chấp với tổng giá trị lên đến 1.400 tỷ đồng. Tính đến năm 2021 cả nước có 22 trung tâm Trọng tài thương mại chủ yếu tập trung ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, riêng thành phố Hồ Chí Minh đã có 11.150 vụ được giải quyết bằng Trọng tài thương mại từ năm 2016 đến năm 2021. Tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành Luật Trọng tài thương mại đã có nhiều điểm bất cập, hạn chế, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực tiễn này bởi xuất phát từ các quy định chưa phù hợp của Luật Trọng tài thương mại, do đó cần phải sớm có biện pháp cải thiện.

*Một là, về căn cứ thay đổi Trọng tài viên, Điều 42 Luật TTTM quy định: “1. Trọng tài viên phải từ chối giải quyết tranh chấp trong những trường hợp sau đây:*

- a) Trọng tài viên là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên;*
- b) Trọng tài viên có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp;*
- c) Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, khách quan;*
- d) Đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của bất cứ bên nào trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại Trọng tài, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản.”...*

Quy định thay đổi Trọng tài viên đặt ra nhằm đảm bảo trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp Trọng tài viên tuân thủ đúng nguyên tắc độc lập, vô tư, khách quan và tuân theo quy định của pháp luật, từ đó đưa ra phán quyết công bằng, khách quan, đúng đắn. Việc thay đổi Trọng tài viên được thực hiện khi một bên tranh chấp đưa ra yêu cầu thay đổi Trọng tài viên hay chính Trọng tài viên tự mình từ chối tham gia giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, căn cứ thay đổi Trọng tài viên được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 42 nêu ra ở trên khó có thể thực hiện trọn vẹn được. Thực tế, Luật TTTM và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định giải thích rõ vấn đề hiểu như thế nào là “*người thân thích*” từ đó có thể dẫn đến sự tùy tiện trong việc đưa ra yêu cầu đổi Trọng tài viên của một bên tranh chấp. “Người thân thích” trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật được hiểu theo nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau, ví dụ: có lúc được hiểu là những người có quan hệ huyết thống gần gũi như: ông, bà, bố mẹ, anh, chị, em, cô, dì, chsu, bác...; có khi là những người có quan hệ nuôi dưỡng nhưng không có quan hệ huyết thống như cha mẹ nuôi, con nuôi...; nhưng cũng có thể là anh rể, em rể, em dâu, chị dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha. Nhưng không phải tất cả những người có mối quan hệ trên đều có khả năng tác động đến Trọng tài viên, làm cho Trọng tài viên không còn độc lập, vô tư, khách quan khi đưa ra phán quyết. Vì vậy, cần đòi hỏi phải có quy định cụ thể để giải thích rõ trường hợp “*người thân thích*”

này để có sự rành mạch, khách quan trường hợp nào buộc thay Trọng tài viên và trường hợp nào không cần thiết phải thay.

*Hai là, về việc gia hạn thời hạn nộp bản tự bảo vệ của bên bị đơn. Quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 35 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 trong đó tại Khoản 2 có quy định: “Đối với vụ tranh chấp được giải quyết tại các Trung tâm Trọng tài, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm Trọng tài không có quy định khác, thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, bị đơn phải gửi cho Trung tâm Trọng tài bản tự bảo vệ. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, thời hạn này có thể được Trung tâm Trọng tài gia hạn căn cứ vào tình tiết cụ thể của vụ việc.”*

Khoản 3 Điều 35 Luật TTTM năm 2010 có quy định: *“Đối với vụ tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài vụ việc, nếu các bên không có thỏa thuận khác, thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu kèm theo, bị đơn phải gửi cho nguyên đơn và cho Trọng tài viên bản tự bảo vệ, tên và địa chỉ của người mà mình chọn làm Trọng tài viên.”*

Hai quy định trên cho thấy đều là sử dụng phương thức Trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp, nhưng có sự phân biệt đáng lẽ ra là không nên có giữa việc giải quyết tranh chấp bằng Trung tâm Trọng tài với Trọng tài vụ việc về thời hạn nộp bản tự bảo vệ của bị đơn. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật TTTM năm 2010, thời hạn mà bị đơn phải nộp bản bảo vệ là 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, thời hạn này có thể được gia hạn thêm nếu như một hoặc các bên tranh chấp có yêu cầu gia hạn. Tuy nhiên, nếu giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài vụ việc thì thời hạn này ấn định là 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, không được gia hạn. Nếu như tranh chấp có tính phức tạp, có nhiều điều cần giải thích, chứng minh làm rõ thì dù là giải quyết tại trung tâm Trọng tài hay Trọng tài vụ việc, thì việc cho phép bên bị đơn có quyền được gia hạn thời gian gửi bản tự bảo vệ là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 35 Luật TTTM 2010 cũng không quy định rõ số lần tối đa được gia hạn hoặc khoảng thời gian tối đa được gia hạn là bao nhiêu ngày nên với quy định này có thể bị lợi dụng, ăn gian bôi bên bị đơn để làm chậm thời gian giải quyết tranh chấp.

*Ba là, về vấn đề hủy Phán quyết Trọng tài, trong thời gian gần đây việc hủy phán quyết của Trọng tài bị hủy bởi quyết định của Tòa án đang có xu hướng gia tăng. Cụ thể giai đoạn từ 2003-2014 với tỷ lệ số vụ tranh chấp có đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài chiếm 12% thì có tới 43% trong số đó bị hủy. Đối với giai đoạn hủy phán quyết Trọng tài từ năm 2011-2014 đã lên tới 50%. Còn tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội trong năm 2015, đã thụ lý 07 vụ, năm 2016 là 11 vụ, năm 2017 là 14 vụ, tính đến tháng*



6 năm 2018 là thụ lý 05 vụ (trong đó yêu cầu về khiếu nại thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài là 4 vụ việc, yêu cầu hủy phán quyết là 26 vụ và công nhận cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài là 7 vụ. Đó đều là những con số đáng báo động bởi điều này sẽ làm giảm đi độ tin cậy của xã hội đối với tính hiệu quả, cũng như giá trị pháp lý của phán quyết Trọng tài thương mại. Xảy ra tình trạng như vậy có hai nguyên nhân chính dẫn đến thực tiễn này, cụ thể là:

*Thứ nhất*, Luật Trọng tài thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định về cơ chế giám sát, xử lý việc hủy phán quyết Trọng tài của Tòa án. Điều này dẫn đến hiện tượng một số Tòa án tùy tiện trong việc áp dụng Điều 68 Luật Trọng tài thương mại để hủy phán quyết Trọng tài thương mại. Thực tế, nếu vụ việc được xét xử bởi Tòa án, thì bản án quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có thể bị kháng nghị theo thủ tục Giám Đốc Thẩm khi có một trong những căn cứ sau đây:

*a) Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự;*

*b) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho đương sự không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được bảo vệ theo đúng quy định pháp luật;*

*c) Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của người thứ ba. (Khoản 1 Điều 326 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).*

Thủ tục Giám đốc thẩm được biết đến với chức năng là xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị giám đốc thẩm khi có căn cứ quy định tại Điều 326 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Với chức năng đó, thủ tục giám đốc thẩm có vai trò giám sát và đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa được thực thi, góp phần đảm bảo bản án, quyết định thật sự công bằng, khách quan, đúng đắn, hạn chế mức tối đa những sai lầm trong các bản án, quyết định để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp. Tuy nhiên, khi một phán quyết trọng tài thương mại bị hủy bởi Tòa án thì việc giám đốc thẩm quyết định này lại không được đặt ra bởi pháp luật về Trọng tài thương mại lẫn tố tụng dân sự hoàn toàn không có quy định cho phép áp dụng thủ tục giám đốc thẩm trong trường hợp này. Thực tiễn, hủy bỏ phán quyết Trọng tài của Tòa án là quyết định cuối cùng, các bên tranh chấp, Hội đồng Trọng tài không có quyền kháng cáo hoặc khiếu nại, Viện kiểm sát nhân dân không có quyền kháng nghị và có hiệu lực thi hành. Vậy nếu như quyết định hủy phán quyết Trọng tài của Tòa án là không đúng thì sẽ giải quyết như thế nào để đảm bảo được quyền và lợi

ích hợp pháp của các bên tranh chấp, đồng thời cũng bảo vệ giá trị đúng đắn của phán quyết Trọng tài bị tuyên hủy bởi Tòa án.

*Thứ hai*, căn cứ hủy phán quyết Trọng tài chưa thật sự rõ ràng, một trong những căn cứ hủy phán quyết Trọng tài mà Tòa án thường viện dẫn để áp dụng đó là: “*Phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*” được quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Mặc dù Điểm d Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTM đã có giải thích phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam “*là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực của pháp luật Việt Nam*”. Cách giải thích như trên không thực sự rõ ràng, còn mang tính chung chung nên dễ dẫn đến tình trạng có nhiều cách hiểu khác nhau và áp dụng khác nhau bởi tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều hệ thống văn bản pháp luật khác nhau như: Luật thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán...thì sẽ khó xác định đâu là nguyên tắc cơ bản và đâu là nguyên tắc không cơ bản.

*Bốn là*, chưa có cách giải quyết trong trường hợp ý kiến Viện Kiểm sát được Kiểm sát viên trình bày tại phiên họp xem xét hủy phán quyết Trọng tài thương mại do Tòa án tổ chức trái ngược với quyết định của Hội đồng xét đơn yêu cầu (gồm 3 thẩm phán do Chánh án Tòa án cấp tỉnh chỉ định). Theo quy định tại Khoản 4 Điều 71 Luật TTTM thì “*Sau khi xem xét đơn và các tài liệu kèm theo, nghe ý kiến của những người được triệu tập, nếu có, Kiểm sát viên trình bày ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng thảo luận và quyết định theo đa số.*” Viện kiểm sát cử kiểm sát viên tham dự phiên họp để thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tuân thủ pháp luật của phiên họp do Hội đồng xét đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài do Tòa án tổ chức. Trên thực tế, không phải lúc nào Viện kiểm sát cũng đồng quan điểm với Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp. Giả sử, nếu xảy ra trường hợp Viện Kiểm sát không đồng tình với việc hủy hoặc không hủy phán quyết Trọng tài Tòa án thì Viện Kiểm sát sẽ phải làm gì và điều này chưa được pháp luật quy định rõ. Do đó, chưa phát huy hết được vai trò của Viện kiểm sát trong trường hợp này.

#### *2.4.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại quốc tế tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam*

Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp rất mềm dẻo ở nhiều khía cạnh, tuy nhiên vì tính mềm dẻo đó lại đặt ra các vấn đề liên quan đến luật áp dụng với thỏa thuận Trọng tài, tổ tụng Trọng tài, nội dung tranh chấp. Việc lựa chọn luật mà các bên thỏa thuận áp dụng cũng là một vấn đề đáng quan tâm, vậy thì đối với các vấn đề mà các bên không được lựa chọn thỏa thuận áp dụng thì sao? Sẽ áp dụng quy phạm

xung đột để xác định luật áp dụng như Tòa án hay không và khi áp dụng luật để giải quyết tranh chấp ai chứng minh nội dung pháp luật, Trọng tài liệu có nhắc đến trật tự công, và đó là trật tự công của nước nào. Pháp luật Trọng tài Việt Nam vẫn chưa quan tâm lắm đến khía cạnh quốc tế của các tranh chấp có thể giải quyết bằng Trọng tài nên vẫn chưa có câu trả lời thích đáng cho câu hỏi được đặt ra.

Trong thực tiễn xét xử, một Trung tâm Trọng tài Việt Nam đã áp dụng quy phạm xung đột của Việt Nam, trong một vụ tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán cá giữa một doanh nghiệp Việt Nam và một doanh nghiệp Tây Ban Nha. Trước Hội đồng Trọng tài trong khuôn khổ trung tâm Trọng tài X, bị đơn doanh nghiệp Việt Nam cho rằng hợp đồng vô hiệu do doanh nghiệp Tây Ban Nha không có đủ năng lực (bản thân thảo thuận Trọng tài trong hợp đồng có thể bị vô hiệu). Tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài X đã quyết định rằng vấn đề năng lực cần xác định theo luật quốc tịch.

Trên bình diện quốc tế, Công ước Newyork 1958 mà Việt Nam là thành viên có quy định một cách gián tiếp về pháp luật điều chỉnh năng lực của các bên tham gia thỏa thuận Trọng tài tại Điều 5 nhằm phục vụ cho việc công nhận và thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài. Việc công nhận và cho thi hành quyết định có thể bị từ chối khi chứng minh được rằng “các bên của thỏa thuận, theo luật áp dụng của các bên, không có đủ năng lực, hoặc thỏa thuận không có giá trị theo luật mà các bên chịu sự điều chỉnh, nếu không có chỉ dẫn về điều này, theo luật quốc gia nơi ra quyết định”.

Như vậy có thể nói năng lực chủ thể với ý nghĩa là một điều kiện có hiệu lực hợp đồng nói chung và thỏa thuận Trọng tài nói riêng phải luôn được xác định theo pháp luật của nước mà mỗi bên có quốc tịch hoặc trụ sở. Năng lực chủ thể không thuộc lĩnh vực mà các bên có quyền lựa chọn luật áp dụng để điều chỉnh. Khi có vấn đề về năng lực chủ thể ký kết thỏa thuận Trọng tài, sẽ phải dựa vào luật của các nước mà các bên có quốc tịch hoặc trụ sở, chứ không phụ thuộc vào luật các bên lựa chọn áp dụng đối với hợp đồng.

Về đối tượng của thỏa thuận Trọng tài, tức là loại tranh chấp mà các bên muốn Trọng tài xét xử, điều đáng quan tâm đó là tranh chấp mà các bên dự kiến lựa chọn Trọng tài để giải quyết có thuộc quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với Trọng tài hay không. Điều 2 Luật Trọng tài thương mại có quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài, nhưng Khoản 6 Điều 18 Luật TTTM lại quy định thỏa thuận Trọng tài vô hiệu nếu vi phạm điều cấm của pháp luật. Các quy định đó ở luật TTTM Việt Nam nếu tranh chấp giữa các bên không có yếu tố nước ngoài thì hiển nhiên sẽ áp dụng pháp luật Việt Nam. Nhưng nếu có yếu tố nước ngoài liên quan đến tranh chấp kinh doanh, thương mại quốc tế thì chưa chắc đã áp dụng luật Việt Nam.

Các tranh chấp liên quan đến đối tượng tranh chấp có thể xét xử bằng phương thức Trọng tài thường liên quan đến trật tự công và quy phạm mệnh lệnh. Thực tiễn xét xử, Trọng tài thường áp dụng luật của nước nơi có địa điểm Trọng tài, để xác định xem các tranh chấp mà các bên muốn Trọng tài giải quyết có thuộc loại tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài không. Bên cạnh luật của nước có địa điểm Trọng tài thì còn phải nói đến luật của nước nơi phán quyết sẽ được công nhận và thi hành bởi Điều 5 Công ước NewYork quy định phán quyết Trọng tài có thể bị từ chối công nhận và cho thi hành nếu “Đối tượng của vụ tranh chấp không thể giải quyết được bằng Trọng tài theo luật pháp của nước đó (nước nơi yêu cầu công nhận và thi hành).

Tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng kinh doanh, thương mại rất đa dạng, có thể là tranh chấp liên quan đến năng lực chủ thể, tranh chấp quyền và nghĩa vụ của các bên đến việc áp dụng chế tài đối với hành vi vi phạm .... Vì vậy mà dẫn đến sự đa dạng của các nguồn luật cần được áp dụng, hiện nay đa số các quốc gia cho phép các bên được quyền lựa chọn luật áp dụng đối với hợp đồng thương mại quốc tế. Theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 14 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 phân chia ra làm hai trường hợp theo đó đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp (Khoản 1). Đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn, nếu các bên không có thỏa thuận về áp dụng thì Hội đồng Trọng tài quyết định áp dụng luật mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp nhất (Khoản 2).

Khoản 2 nhắc đến “pháp luật mà các bên lựa chọn” nhưng không làm rõ được nó hàm chứa nội dung gì, có bao gồm luật quốc tế mà quốc gia đã ký kết, gia nhập không. Đó là khó khăn khi các bên trong hợp đồng mau bán hàng hóa quốc tế lựa chọn, chẳng hạn pháp luật Việt Nam. Pháp luật mà các quốc gia lựa chọn có bao gồm xung đột hay không, tức là có dẫn chiếu hay không. Theo khoản 4 Điều 668 Bộ luật dân sự 2015, pháp luật mà các bên lựa chọn chỉ bao gồm quy định về quyền, nghĩa vụ các bên tham gia quan hệ dân sự, không bao gồm quy định về xác định pháp luật áp dụng. Khi các bên đã lựa chọn pháp luật của nước A thì Trọng tài sẽ phải căn cứ vào chính pháp luật nước A đó để biết là pháp luật nước A có chấp nhận dẫn chiếu hay không.

Trường hợp cuối là các bên lựa chọn pháp luật của một nước, nhưng khi áp dụng pháp luật nước đó thì dẫn tới hệ quả là hợp đồng các bên bị vô hiệu và bản thân thỏa thuận lựa chọn pháp luật nằm trong đó cũng vô hiệu. Khi thỏa thuận lựa chọn luật không có giá trị thì không thể áp dụng pháp luật của nước mà có điều khoản chỉ định đó. Không áp dụng luật do các bên lựa chọn, hợp đồng có thể lại có hiệu lực theo pháp luật của nước khác, để không rơi vào tình trạng này, pháp luật cần quy định thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng độc lập với hợp đồng.

Trong thực tế có khả năng xảy ra các tình huống các bên không biết mình có quyền, hoặc biết nhưng không thực hiện quyền lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng của mình, vì vậy mà để giải quyết tranh chấp, Trọng tài phải áp dụng luật theo nghĩa rộng trong trường hợp này trên thế giới hiện nay tồn tại hai phương pháp đó là phương pháp gián tiếp thông qua việc sử dụng quy phạm tư pháp quốc tế và phương pháp trực tiếp trao quyền cho Hội đồng Trọng tài xác định luật áp dụng.

Đối với phương pháp gián tiếp thì những nước sử dụng phương pháp này lại chia ra làm hai nhóm đó là nhóm nước quy định cho phép Trọng tài tự do xác định quy phạm tư pháp quốc tế cần áp dụng để xác định luật, và nhóm những quy định nguyên tắc về loại quy phạm tư pháp quốc tế mà Hội đồng Trọng tài cần phải áp dụng để xác định luật áp dụng đối với tranh chấp. Quy phạm tư pháp quốc tế mà Trọng tài cho là phù hợp nhất, theo cách này Trọng tài phải áp dụng quy phạm xung đột cụ thể nào để xác định luật áp dụng. Được quy định trong một số văn kiện quốc tế cũng như trong một số quy tắc tổ tụng của trung tâm Trọng tài, trước đây một số quốc gia quy định Trọng tài áp dụng cách thức giải quyết xung đột trong pháp luật của nước nơi có trung tâm Trọng tài. Phương pháp này có nhược điểm lớn là buộc Trọng tài phải áp dụng quốc gia có địa điểm Trọng tài, mà thực tế địa điểm Trọng tài được lựa chọn không phải vì các bên muốn lựa chọn luật của nước đó mà chỉ vì sự thuận tiện của các bên mà thôi.

Buộc áp dụng quy phạm xung đột, đây là cách thức thứ hai làm hạn chế sự tự do lựa chọn của Trọng tài bởi vì họ buộc phải sử dụng xung đột cụ thể. Trường hợp Luật Trọng tài Croatia, Ai Cập, Đức, Nhật Bản, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ: Luật áp dụng là luật có mối quan hệ gần bó nhất. Trung tâm Trọng tài thương mại quốc tế thuộc Phòng thương mại Milan, Viện Trọng tài thương mại Đức và một số trung tâm Trọng tài khác cũng quy định tương tự.

Còn đối với phương pháp trực tiếp, phương pháp này trao quyền cho Hội đồng Trọng tài xét xử vụ tranh chấp tự mình xác định luật hoặc các quy tắc pháp luật mà mình cho là phù hợp nhất mà không cần dựa vào quy phạm xung đột. Pháp luật pháp đi theo hướng này và trao quyền rất lớn cho Trọng tài, theo pháp luật pháp Trọng tài không phải áp dụng các quy phạm xung đột của nước nơi có trụ sở Trọng tài, hay của nước nơi có địa điểm Trọng tài. Thực tế, Trọng tài có thể sử dụng quy phạm xung đột nào đó nhưng không có nghĩa vụ nêu căn cứ về việc sử dụng quy phạm đó để xác định luật áp dụng. Một số nước khác trong đó có Việt Nam cũng theo phương pháp này cụ thể tại Khoản 2 Điều 14 Luật Trọng tài thương mại *“nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng Hội đồng Trọng tài quyết định áp dụng luật mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp nhất”*. Luật không có quy định chi tiết hơn về căn cứ mà Hội đồng Trọng tài phải dựa vào để xác định sự phù hợp nhất mà Trọng tài lựa chọn áp dụng để giải quyết tranh chấp.

Vấn đề nguyên tắc áp dụng trong tố tụng Trọng tài cũng đáng được quan tâm như việc chứng minh nội dung pháp luật cần áp dụng. Khi các bên hoặc Trọng tài đã xác định được một nguồn luật để điều chỉnh nội dung tranh chấp thì vấn đề đặt ra là ai, các bên hay Trọng tài, có nghĩa vụ chứng minh nội dung của nguồn luật đó. Trong tố tụng Tòa án, nghĩa vụ chứng minh pháp luật nước ngoài quy định tại điều 481 BLTTDS năm 2015 thì đối với tố tụng Trọng tài lại không như vậy, bởi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 không có quy định nào về vấn đề này. Trong thực tiễn xét xử, thông thường trong luật, cũng như tại nhiều nước trên thế giới, khi các bên được quyền chọn và đã chọn luật áp dụng thì chính các bên có nghĩa vụ chứng minh nội dung nguồn luật đó.

Không áp dụng pháp luật mà các bên lựa chọn, như chúng ta biết thì trong tố tụng Tòa án, Tòa án một quốc gia có thể không áp dụng nguồn luật mà các bên lựa chọn hoặc được dẫn chiếu bởi quy phạm xung đột hậu quả khi việc áp dụng pháp luật đó trái với trật tự công (hay các nguyên tắc cơ bản) của nước mình. Tại Việt Nam, khả năng loại trừ áp dụng luật nước ngoài được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 670 BLDS năm 2015, vậy Trọng tài thương mại quốc tế có phải tính đến trật tự công hay không thì Luật Trọng tài thương mại Việt Nam không quy định vấn đề này.

Thực tế trong các trường hợp đa số Trọng tài sẽ áp dụng luật do các bên lựa chọn, nhưng về mặt lý thuyết Trọng tài có thể và có nên quy định cho phép Trọng tài không áp dụng luật do các bên lựa chọn mà áp dụng nguồn luật, hoặc quy định trong nguồn luật của quốc gia khác. Khi pháp luật các quốc gia có liên quan đến tranh chấp như là nơi hợp đồng được ký kết và nơi phán quyết có thể công nhận và thi hành, có những quy định mệnh lệnh áp dụng bắt buộc. Trọng tài đúng là không có một hệ thống luật để dựa vào, hoặc để tuân thủ, trừ các quy định về tố tụng, tuy nhiên trong thực tiễn, Trọng tài thường xuyên phải tính đến các quy phạm mệnh lệnh bắt buộc nước nơi phán quyết sẽ phải được công nhận và cho thi hành, để đảm bảo phán quyết sẽ không bị từ chối công nhận và cho thi hành theo điều V Công ước NewYork 1958.

Luật mà các bên lựa chọn không phải bị loại bỏ hoàn toàn, khi cần phải áp dụng quy phạm mệnh lệnh (tức là không áp dụng toàn bộ luật mà các bên lựa chọn) Trọng tài sẽ gặp một khó khăn liên quan đến thi hành phán quyết. Cụ thể Trọng tài do các bên lựa chọn chỉ giải quyết tranh chấp liên quan đến nội dung mà các bên yêu cầu, Trọng tài phải tuân thủ sự lựa chọn của các bên, nếu không áp dụng luật các bên đã chọn tức là Trọng tài không tôn trọng sự lựa chọn đó, có thể bị coi là vi phạm tố tụng. Căn cứ phán quyết bị hủy hoặc không công nhận theo Điều 5 Công ước NewYork 1958, mặc dù điều này không quy định về việc không áp dụng luật mà các bên đã lựa chọn làm căn cứ để không công nhận phán quyết. Nhưng có thể viện dẫn quy định liên quan đến trường hợp Hội đồng Trọng tài vượt quá thẩm quyền hoặc vi phạm tố tụng của một bên tranh chấp.

Các trường hợp có thể xảy ra trong thực tế đó là: các bên đã lựa chọn luật để giải quyết tranh chấp là nước A nhưng Trọng tài lại nhất thiết áp dụng quy định của luật nước B, và việc áp dụng pháp luật nước B bị coi là lạm quyền hoặc vi phạm tổ tụng. Nhưng cũng có trường hợp ngược lại Trọng tài quyết định áp dụng pháp luật nước A do các bên lựa chọn và tuân thủ quyền tự quyết của các bên, không áp dụng luật nước B nữa, mặc dù cần phải áp dụng theo luật nước B. Như vậy thì phán quyết Trọng tài sẽ không được công nhận và cho thi hành vì trái với trật tự công của nước B.

## **2.5. Đánh giá thực trạng và thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam**

### *2.5.1. Ưu điểm*

Qua phân tích từ thực trạng và thực tiễn cho thấy xuất phát từ nguyên tắc giải quyết tranh chấp của mình thì hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam thể hiện có rất nhiều ưu điểm vượt trội, mang lại nhiều lợi ích cho các bên khi có tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại, cụ thể như sau:

Thứ nhất, khác với tố tụng Tòa án được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự áp dụng để giải quyết tranh chấp tất cả các vụ việc trong lĩnh vực dân sự nói chung, thủ tục Trọng tài áp dụng cho các tranh chấp trong hoạt động thương mại đơn giản hơn, các bên chủ động về thời gian, địa điểm giải quyết tranh chấp giúp đẩy nhanh thời gian giải quyết tranh chấp, thủ tục Trọng tài không trải qua nhiều cấp xét xử như ở Tòa án, cho nên việc hạn chế tổn kém về thời gian và tiền bạc cho doanh nghiệp.

Thứ hai, việc được quyền lựa chọn Trọng tài viên giải quyết tranh chấp cho phép các bên lựa chọn được các chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tế về vấn đề tranh chấp, có uy tín trong ngành nghề trở thành Trọng tài viên giải quyết tranh chấp các bên đảm bảo chất lượng giải quyết tranh chấp.

Thứ ba, Trọng tài tôn trọng bảo mật thông tin cho toàn bộ quá trình, phiên họp Trọng tài cũng được thực hiện không công khai (khác với nguyên tắc Tòa án xét xử công khai trong tố tụng Tòa án), vì vậy mà các bên tranh chấp có thể bảo đảm được uy tín của mình trên thương trường. Ngày nay, tính bảo mật ngày càng được doanh nghiệp chú ý trong bối cảnh kinh tế xã hội phát triển, rình rập nhiều sự cạnh tranh, thông tin của liên quan tới các doanh nghiệp hiện nay rất nhạy cảm và cần được giữ bí mật (đặc biệt các công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán).

Thứ tư, thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài được thiết lập dựa trên sự thỏa thuận của các bên mà không phụ thuộc vào quyền lực Nhà nước. Mềm dẻo, linh hoạt (cho phép sử dụng tiếng nước ngoài, áp dụng luật nước ngoài) để phù hợp với việc giải quyết các tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

Thứ năm, phán quyết Trọng tài có đặc điểm giống như bản án của Tòa án đó chính là mang tính chất chung thẩm và bắt buộc các bên phải thi hành. Nếu thi hành trong lãnh thổ Việt Nam, phán quyết Trọng tài VIAC có thể được đưa thẳng tới cơ quan thi hành án (Cục thi hành án dân sự) để được cưỡng chế thi hành; phán quyết Trọng tài VIAC cũng thể được cho công nhận và thi hành tại hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ là thành viên Công ước NewYork về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài.

#### 2.5.2. Hạn chế tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm trên, pháp luật Trọng tài thương mại Việt Nam còn có một số hạn chế, bất cập ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi phán quyết Trọng tài, cụ thể:

*Thứ nhất*, thủ tục về yêu cầu thi hành phán quyết Trọng tài, trên thực tế áp dụng quy định “*hết thời hạn thi hành phán quyết Trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài...thì có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết Trọng tài*” tại Điều 66 và quy định cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết Trọng tài là cơ quan Thi hành án cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng Trọng tài ra Phán quyết tại Điều 8 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 phát sinh một số bất cập sau:

1. Để xác định phán quyết “không có yêu cầu hủy” mỗi địa phương có cách thực hiện khác nhau. Ở một số địa phương, khi nộp đơn yêu cầu thi hành phán quyết Trọng tài là ở phía cơ quan thi hành án vẫn đặt ra điều kiện người thi hành án phải chứng minh phán quyết đang được yêu cầu thi hành không là đối tượng của một yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài. Để thực hiện yêu cầu này, đương sự phải cung cấp giấy xác nhận của Tòa án về việc có hoặc không việc thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài. Trong khi Tòa án lại không có bất kỳ quy trình hay thủ tục nào để Cấp giấy xác nhận này, việc cấp giấy hoàn toàn phụ thuộc vào thực tiễn của mỗi Tòa án. Trong khi đó, ở một số địa phương cơ quan thi hành án dân sự và Tòa án có sự liên thông, phối hợp chặt chẽ. Trước khi nhận đơn yêu cầu của người được thi hành phán quyết Trọng tài, cơ quan thi hành án dân sự có công văn đề nghị Tòa án có thẩm quyền, nơi Hội đồng Trọng tài ra Phán quyết, nhằm xác nhận phán quyết Trọng tài có bị Tòa án tuyên hủy hoặc có đơn yêu cầu hủy hay không. Khi nhận được văn bản về việc người phải thi hành phán quyết Trọng tài không yêu cầu hủy hoặc nhận được quyết định không hủy phán quyết Trọng tài thì cơ quan thi hành án dân sự sẽ thông báo nhận đơn yêu cầu và thụ lý thi hành án, ra quyết định thi hành án và chỉ định Chấp hành viên thực hiện. Nếu trường hợp Tòa án thông báo là đã thụ lý đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của người phải thi hành phán quyết thì cơ quan thi hành án dân sự sẽ trả lại đơn yêu cầu, hướng dẫn người được



thi hành phán quyết Trọng tài chờ kết quả giải quyết tại Tòa án. Điều này cho thấy nếu có sự liên thông, phối hợp sẽ đảm bảo tốt hơn quyền và lợi ích của đương sự.

2. Thực tế như đã nói thì các Trung tâm Trọng tài thương mại thường tập trung tại các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, các phán quyết Trọng tài cũng chủ yếu được ban hành tại các trung tâm Trọng tài đặt tại hai thành phố này. Mà doanh nghiệp thường hoạt động kinh doanh trên cả nước, việc quy định cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết Trọng tài là cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết có thể dẫn tới khó khăn khi thi hành phán quyết Trọng tài đặc biệt khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế, biện pháp bảo đảm thi hành cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết và cơ quan thi hành nơi doanh nghiệp có tài sản để đảm bảo quá trình thực thi phán quyết không bị kéo dài.

*Thứ hai*, về quy định hủy phán quyết Trọng tài. Khi phán quyết Trọng tài bị hủy bởi Tòa án thì không thể thực thi được, tuy nhiên ở một số quốc gia phán quyết Trọng tài vẫn được thi hành cho đến khi có lệnh mới của Tòa án về việc dừng phán quyết Trọng tài đó. Còn đối với Việt Nam, yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài là một trong những rào cản để thực thi phán quyết sau khi phán quyết đó đã được Hội đồng Trọng tài ban hành. Điều đó cho thấy rằng hủy phán quyết Trọng tài là cần thiết (là cơ chế giám sát cho việc giải quyết tranh chấp của Trọng tài) nhưng quy định hủy phán quyết trong pháp luật Trọng tài thương mại ở Việt Nam còn nhiều bất cập ảnh hưởng đến việc thực thi phán quyết đó là:

Một về căn cứ hủy phán quyết được quy định tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 còn chưa rõ ràng dẫn tới việc áp dụng quy định ở thực tế còn thiếu thống nhất. được thể hiện qua các yếu tố. Về căn cứ *“thành phần Hội đồng Trọng tài, thủ tục tổ tụng Trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật Trọng tài thương mại”*, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP có hướng dẫn cụ thể tại Điều 14 theo quy định đó thì Tòa án sẽ chỉ ra quyết định, hủy phán quyết trọng tài khi xét thấy đó là những *“vi phạm nghiêm trọng”* và cần phải hủy nếu Hội đồng Trọng tài không thể khắc phục được hoặc không khắc phục theo yêu cầu của Tòa án quy định tại Khoản 7 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, nhưng việc nhận định *“vi phạm nghiêm trọng”* như thế nào vẫn được các Tòa áp dụng không thống nhất. Tiếp đến về văn cứ *“tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài”* theo quy định tại Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài được xác định khi tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại,

tranh chấp đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại và ranh chấp khác theo quy định của pháp luật được giải quyết bằng Trọng tài.

Vận dụng quy định đó thì vấn đề xác định thẩm quyền của Trọng tài trong trường hợp có “ít nhất một bên có hoạt động thương mại” và các tranh chấp liên quan đến bất động sản gặp một số khó khăn. Nhìn nhận thực tế, theo em thấy hiện nay việc xác định thẩm quyền của Trọng tài trong giải quyết các tranh chấp mà ở đó có một bên hoạt động thương mại chẳng hạn ở lĩnh vực lao động, môi trường... hay hợp đồng mua bán có thuộc thẩm quyền Trọng tài giải quyết hay không thì vẫn có rất nhiều quan điểm được quy định tại các văn bản luật khác nhau. Cụ thể như theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP hướng dẫn chi tiết Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, pháp luật Việt Nam có sự phân biệt rõ ràng tranh chấp liên quan đến bất động sản thành hai loại là tranh chấp về bất động sản/ có đối tượng là bất động sản và không có đối tượng là bất động sản. Đối với tranh chấp về bất động sản chỉ có Tòa án nơi có Bất động sản mới có thẩm quyền giải quyết, còn tranh chấp liên quan đến bất động sản nhưng không có đối tượng là bất động sản ví dụ như thừa kế, hôn nhân gia đình, thì Tòa án vẫn có thẩm quyền nhưng không xác định theo thẩm quyền riêng biệt về lãnh thổ. Trong khi đó phân loại tranh chấp liên quan đến bất động sản như đã phân tích chưa được xác định có thể áp dụng khi xác định thẩm quyền của Trọng tài hay không.

Mà cùng với đó, các quy định pháp luật chuyên ngành như Luật kinh doanh Bất động sản, Luật nhà ở không quy định cũng không hạn chế, trừ thẩm quyền của Trọng tài. Từ những lí do đó, quan điểm giải quyết khác nhau nên dẫn tới việc hủy phán quyết Trọng tài do “không thuộc thẩm quyền” không thống nhất. Về căn cứ chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng Trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định đầy đủ hơn Luật Trọng tài thương mại năm 2010 rất nhiều, cụ thể hơn về nhiều vấn đề như chứng cứ xác minh, thu thập chứng cứ, cũng như việc đánh giá chứng cứ, nguồn chứng cứ..., tuy nhiên không có căn cứ để áp dụng tương tự, toàn bộ các quy định về chứng cứ trong pháp luật tố tụng dân sự trong tố tụng Trọng tài. Cuối cùng liên quan đến vấn đề “phán quyết Trọng tài trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” có lẽ đây là vấn đề được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong bài viết ngay cả từ phần thực trạng và thực tiễn, cho đến phần này thì em nhận thấy quy định này đang còn thiếu vẫn chưa đủ để áp dụng được bởi nó vẫn chưa rõ ràng, mà nếu áp dụng vào thực tiễn một cách bừa bãi, tùy tiện thì không được, thế nhưng điều đó lại khó tránh khỏi.

Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP đã có hướng dẫn cụ thể *“Khi xem xét yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài, Tòa án phải xác định được phán quyết Trọng tài có vi phạm một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật và nguyên tắc đó có liên quan đến việc giải*

*quyết tranh chấp của Trọng tài*” thì để nhìn nhận, đánh giá quy định này xét về mặt thực tiễn Tòa án căn cứ vào điểm đ Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại để hủy phán quyết Trọng tài mà không nêu rõ phán quyết sia ở đâu, chỗ nào như theo quy định chỉ ra của Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP đó là “*Tòa án phải xác định được phán quyết Trọng tài có vi phạm* ” đây vẫn được coi là tình trạng rất phổ biến.

Hai về không có cơ chế giám sát quyết định hủy phán quyết Trọng tài Tòa án dẫn tới tình trạng hủy phán quyết tùy tiện, thực tế tình trạng tuyên hủy phán quyết Trọng tài của Tòa án được đánh giá là không có trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, và quyết định hủy phán quyết Trọng tài của Tòa án không bị giám sát. Mặc dù đây là nguyên tắc phù hợp với thông lệ quốc tế Việt Nam nhưng việc thiếu cơ chế giám sát sẽ dẫn tới hiệu quả mà các bên tranh chấp không mong muốn.

Ba là thiếu các quy định ràng buộc trách nhiệm của các chủ thể thực hiện yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài mà không có căn cứ chứng minh. Theo quy định của Luật Trọng tài thương mại đã phân chia nghĩa vụ chứng minh về căn cứ hủy phán quyết Trọng tài thành 2 trường hợp: đối với căn cứ các Điểm a,b,c,d Khoản 2 Điều 68 thì bên yêu cầu phải chứng minh trước Tòa án là phán quyết Trọng tài vi phạm một hay nhiều các căn cứ tại Khoản 2, còn đối với Điểm đ Khoản 2 Điều 68 thì Tòa án có trách nhiệm xác minh thu thập chứng cứ để quyết định xem có hủy hay không hủy phán quyết Trọng tài.

Nghĩa vụ chứng minh như các căn cứ trên đưa ra là cần thiết để ngăn chặn sự lạm dụng yêu cầu của các bên tranh chấp. Nhưng theo em thấy việc chưa có các quy định mang tính chất chế tài nhằm ràng buộc trách nhiệm về chủ thể, ví dụ như trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu yêu cầu mà không có chứng cứ chứng minh hoặc không đưa ra chính xác được chứng cứ để chứng minh, điều đó là sự thiếu sót sẽ gây ảnh hưởng đến các quy định về nghĩa vụ chứng minh khi yêu cầu này.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương này em đã tập trung nêu ra được các vấn đề là thực trạng giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam, trong thực trạng đó em đã đi sâu vào phân tích, làm rõ một số nội dung liên quan như mối quan hệ của Tòa án với Trọng tài, việc hủy phán quyết Trọng tài, công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, và đến cuối cùng là thi hành phán quyết Trọng tài.

Còn ở phần thực tiễn em đưa ra được những vướng mắc, bất cập và thực tế áp dụng quy định pháp luật để giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm Trọng tài. Từ đó cho chúng ta thấy qua từng thời kỳ, mỗi giai đoạn phát triển khác nhau của Đất nước thì việc áp dụng các quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cũng đang dần phát triển và hoàn thiện. Pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại nhìn chung cũng có ưu điểm và có tiến bộ, có điểm tương đồng với Luật mẫu UNCITRAL và pháp luật của nhiều nước khác.

Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, vướng mắc làm ảnh hưởng đến việc thi hành và hủy phán quyết Trọng tài thương mại, việc chứng minh, về thủ tục tố tụng Trọng tài, về thẩm quyền giải quyết và một số vấn đề khác nữa. Và từ những khó khăn vướng mắc đó để đưa ra được những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật cụ thể ở chương 3.

### **CHƯƠNG 3**

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện giải quyết tranh chấp tại trung tâm Trọng tài thương mại**

#### *3.1.1. Quan điểm chủ trương của Đảng và Nhà nước*

Trong xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, với chủ trương đổi mới toàn diện Đảng Nhà nước, xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, ngay từ Đại hội Đảng VI đã đề ra quan điểm đổi mới mở rộng. Căn cứ vào Nghị quyết và các văn kiện Đại hội XIII, nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển Đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới, Đề án xác định mục tiêu công tác lập pháp của Quốc hội nhiệm kỳ này là “Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025 gắn với 12 định hướng phát triển Đất nước, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược đề ra tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 cũng đã nêu ra được mục tiêu, quan điểm để xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật, phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Từ những mục tiêu được đề ra ở Nghị quyết này em nhận thấy đối với đề tài này cần xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, cần sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại cho phù hợp với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp, đảm bảo được tính công bằng cho các bên. Phát huy vai trò của Trọng tài viên, cần có chuyên môn nghiệp vụ, không có mối quan hệ thân thiết với các bên, để không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên. Thúc đẩy, phát triển phương thức Trọng tài để các doanh nghiệp tin tưởng hơn, góp phần ổn định, đẩy mạnh nền kinh tế trong nước cũng như hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã chỉ ra quan điểm chỉ đạo cụ thể như:

*Thứ nhất*, thể chế hóa kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường lối của Đảng, cụ thể hóa các quy định hiến pháp về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân, đảm bảo quyền con người quyền tự do, dân chủ của công dân, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hóa – xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh.

*Thứ hai*, phát huy cao độ nội lực, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, thực hiện được đầy đủ các cam kết quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Thứ ba*, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, kết hợp hài hòa bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tính hiện đại của hệ thống pháp luật.

*Thứ tư*, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế trong quá trình xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật

*Thứ năm*, tiến hành đồng bộ với cách hành chính, cải cách tư pháp, với những bước đi vững chắc, coi trọng số lượng và chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm, dự tính đầy đủ các điều kiện đảm bảo hiệu lực, hiệu quả thi hành của pháp luật.

Ngoài ra Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tại Nghị quyết này với mục tiêu xây dựng nền tư pháp, trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hoạt động Tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao mà Bộ Chính trị đã đặt ra thì việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong đó có quy định về Luật Trọng tài thương mại nói chung, và giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài nói riêng là một trong những nhiệm vụ cần thiết của chiến lược cải cách hiện nay. Nghị quyết cũng đưa ra quan điểm cải cách tập trung vào các yếu tố sau:

*Thứ nhất*, là cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân, quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

*Thứ hai*, cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển nền kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính

*Thứ ba*, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ Tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân

Cải cách tư pháp phải thừa kế truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiếp thu chọn lọc những kinh nghiệm nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động, hội nhập quốc tế, đáp ứng xu thế phát triển của xã hội tương lai.

Cuối cùng cải cách tư pháp phải được tiến hành khẩn trương, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm với những bước đi vững chắc.

### *3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.*

Việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài cần thực hiện dựa trên những cơ sở và tuân theo những định hướng dưới đây:

*Thứ nhất*, xây dựng các quy định của pháp luật điều chỉnh về Trọng tài thương mại nói chung, giải quyết tranh chấp thương mại nói riêng phải đảm bảo nguyên tắc toàn diện, đồng bộ giữa các văn bản pháp luật trong nước với các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên.

*Thứ hai*, tiếp thu, kế thừa những quy định tiên bộ, định hướng hoàn thiện bổ sung cũng như tham khảo các quy định pháp luật của các nước trên thế giới hoặc một số nước Đông Nam Á ví dụ như Singapore, để xây dựng hệ thống pháp luật trong nước theo hướng hiện đại, phù hợp với đòi hỏi chung của tình hình trong nước và hội nhập quốc tế.

*Thứ ba*, việc hoàn thiện pháp luật về Trọng tài thương mại nói chung và vấn đề giải quyết tranh chấp thương mại nói riêng phải đặt trong mối quan hệ gắn bó tổng thể với việc hoàn thiện chính sách pháp luật nói chung, trong đó trực tiếp là chính sách pháp luật về Trọng tài thương mại phù hợp với các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường.

*Thứ tư*, việc hoàn thiện pháp luật về Trọng tài thương mại cần được xây dựng theo quan điểm xuyên suốt là tự do ý chí, tự do thỏa thuận.

*Thứ năm*, Pháp luật về Trọng tài thương mại nói chung đảm bảo được tính minh bạch, công khai, thống nhất và khả thi của pháp luật điều chỉnh về giải quyết tranh chấp thương mại.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện giải quyết tranh chấp tại trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam.**

#### *3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật*

Từ thực trạng và một số vướng mắc ở trên, em đưa ra một số định hướng nhằm hoàn thiện pháp luật về Trọng tài thương mại ở Việt Nam qua một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, với bản chất là cơ quan tài phán tư, Trọng tài cần được tạo điều kiện để có thể giải quyết tất cả các tranh chấp giữa các chủ thể bình đẳng, tự do ý chí. Pháp luật cần mở rộng hơn nữa Thẩm quyền của Trọng tài thương mại theo hướng giải quyết tất cả các tranh chấp có ít nhất một bên là thương nhân.

Thứ hai, để tạo điều kiện cho các bên tranh chấp tiếp cận được phương thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại, pháp luật cần bổ sung trường hợp Hội đồng Trọng tài vẫn có thẩm quyền giải quyết trong trường hợp không có thỏa thuận Trọng tài, nhưng một bên đã nộp đơn khởi kiện đến Trọng tài, bên còn lại đã được Trọng tài thông báo nhưng không phản đối trong thời gian hợp lý (khoảng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Trọng tài).

Thứ ba, nhằm giải quyết triệt để vụ việc tranh chấp và tránh ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bên thứ ba, pháp luật về Trọng tài thương mại cần quy định về địa vị pháp lý của người thứ ba có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tương tự như quy định về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tố tụng dân sự.

Thứ tư, để đảm bảo giải quyết nhanh chóng vụ án vốn là ưu điểm của Trọng tài thương mại, pháp luật về Trọng tài thương mại nên ấn định một thời gian hợp lý để các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu, quan điểm của mình là có cơ sở. Các tài liệu, chứng cứ được giao nộp quá thời hạn trên mà không có lý do chính đáng thì không được công nhận.

Thứ năm, về căn cứ hủy phán quyết Trọng tài, nên điều chỉnh theo hướng dù phán quyết có vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam nhưng không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ việc, không ảnh hưởng đến phán quyết của Trọng tài thì không là cơ sở để Tòa án hủy phán quyết Trọng tài.

Thứ sáu, nhằm tạo cơ chế thuận lợi trong thi hành phán quyết Trọng tài, pháp luật cần bổ sung cơ chế phối hợp giữa Tòa án và cơ quan thi hành án dân sự trong việc xác minh tính pháp lý của phán quyết Trọng tài, một trong các bên đương sự có đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài hay không để làm cơ sở thực hiện một thủ tục thi hành phán quyết Trọng tài.



Thứ bảy, về thẩm quyền hủy phán quyết Trọng tài trong trường hợp phán quyết Trọng tài Việt Nam được tuyên ngoài lãnh thổ Việt Nam, pháp luật có thể giao cho Tòa án nơi một trong hai bên tranh chấp có trụ sở hoặc cư trú; hoặc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền hủy các phán quyết nêu trên.

Với tình hình nêu ở trên thì việc cần sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại hiện hành theo hướng quy định rõ ràng hơn, cụ thể hơn về các trường hợp hủy phán quyết Trọng tài, cần có cơ chế hiệu quả hơn trong việc bảo vệ, bảo đảm hiệu lực thi hành của phán quyết Trọng tài. Chúng ta có thể xem xét đến việc cần một cơ chế giám sát đối với việc hủy phán quyết Trọng tài của Tòa án. Ngoài ra, Luật Trọng tài thương mại cần quy định cụ thể về các căn cứ công nhận hoặc không công nhận cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài (Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về trình tự, thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận, không công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam).

### *3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giải áp dụng các quy định pháp luật*

Như đã phân tích ở phần thực trạng và thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam không chỉ có bất cập mà còn có một số tích cực, sau đây sẽ là một số giải pháp giúp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật và nâng sức hấp dẫn của hoạt động Trọng tài tại Việt Nam trên cơ sở khắc phục tồn tại đồng thời là phát huy, duy trì những thành tựu đã đạt được một cách ổn định trong tương lai gần.

*Thứ nhất*, quy định về thẩm quyền của Trọng tài thương mại với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các luật chuyên ngành. Điều 2 Luật trọng tài thương mại năm 2010 quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài thương mại bao gồm: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; tranh chấp khác giữa các bên trong đó có ít nhất một bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài. Với quy định trên, phạm vi thẩm quyền được mở rộng hơn phù hợp với thông lệ quốc tế, tuy nhiên trong quá trình áp dụng vẫn còn cách giải thích khác nhau về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài thương mại hay Tòa án. Vì vậy, để áp dụng thống nhất giữa các Tòa án cần có định hướng, giải thích, làm rõ những tranh chấp thương mại liên quan đến một vấn đề cụ thể nào đó ví dụ như đất đai có thể được các bên lựa chọn Trọng tài thương mại để giải quyết.

*Thứ hai*, quy định về việc gửi thông báo và trình tự gửi thông báo của Trọng tài. Việc gửi thông báo và trình tự thông báo của Trọng tài được quy định bởi Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Cụ thể, khoản 2 và khoản 4 Điều 12 quy định các thông báo tài liệu mà Trung tâm Trọng tài hoặc Hội đồng Trọng tài gửi cho các bên được gửi đến

địa chỉ của các bên hoặc gửi theo đúng địa chỉ do các bên thông báo. Vậy nên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên, cách thức gửi thông báo trong Tố tụng Trọng tài cần sửa đổi, bổ sung vào Điều 12 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 để đảm bảo giải quyết trong trường hợp chỉ có một bên cung cấp địa chỉ nhận.

*Thứ ba*, quy định về việc tạm đình chỉ việc xem xét giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài. Trong quá trình giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài, Hội đồng Trọng tài có thể mắc một vài sai sót, và dẫn đến phán quyết Trọng tài bị hủy, nhưng có thể sửa chữa, thay đổi. Vì thế, Luật trọng tài thương mại năm 2010 quy định tại Khoản 7 Điều 71 nhằm thừa nhận khả năng Tòa án dành cơ hội cho Trọng tài được khắc phục sai sót đó. Từ quy định này cho thấy, Hội đồng Trọng tài có cơ hội khắc phục sai sót để hạn chế việc phán quyết Trọng tài bị hủy bởi Tòa án khi đáp ứng hai điều kiện: Có yêu cầu của một bên và Tòa án xét thấy phù hợp, cần thiết. Trong đó, điều kiện thứ nhất có thể dễ dàng đạt được nhưng điều kiện thứ hai hoàn toàn phụ thuộc vào quan điểm Tòa án. Điều luật quy định nhằm làm tăng khả năng của Tòa án dành cơ hội cho Trọng tài được khắc phục sai sót trong hoạt động tố tụng. Chính sự quy định không rõ ràng mà trên thực tiễn xem xét hủy phán quyết Trọng tài tại Tòa án.

*Thứ tư*, quy định về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài. Luật Trọng tài thương mại năm 2010 không định nghĩa về trọng tài thương mại quốc tế mà chỉ đưa ra khái niệm trọng tài nước ngoài, phán quyết Trọng tài nước ngoài. Trong bối cảnh sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại năm 2010 hiện nay, có thể đưa ra cơ chế hủy phán quyết Trọng tài, công nhận cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài vào cùng trong Luật Trọng tài thương mại năm 2010, nhưng giải pháp này cần được nghiên cứu, đánh giá, đưa ra phương án sửa đổi giữa Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

Trong quá trình hoàn thiện pháp luật nói chung, pháp luật về Trọng tài thương mại nói riêng và cụ thể là Luật trọng tài thương mại năm 2010, yếu tố cốt lõi là cần bổ sung quy định cải tiến các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp và đáp ứng nhu cầu bảo vệ quyền lợi chung cho tất cả các bên trong tranh chấp thương mại. Điều này góp phần tạo nên sự ổn định và trật tự trong các giao dịch thương mại trên thị trường. Bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật, việc bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của Luật trọng tài thương mại cũng cần phải dựa vào sự nâng cao nhận thức pháp lý cộng đồng, thương nhân doanh nghiệp. Theo đó, cần phải tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật, cũng như cung cấp các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ pháp lý chuyên nghiệp để đảm bảo việc áp dụng có hiệu quả phương thức Trọng tài và trong giải quyết tranh chấp thương mại.

### *3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện về thực thi pháp luật trọng tài thương mại*

*Một là*, định kỳ thực hiện rà soát, tổng kết, đánh giá các quy định của Luật TTTM năm 2010, Luật THADS năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung tiếp tục để hoàn thiện pháp luật về TTTM phục vụ có hiệu quả cho việc cải cách tư pháp nói chung và hội nhập quốc tế nói riêng.

*Hai là*, nâng cao chất lượng hoạt động TTTM nhằm tạo lòng tin cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước, nâng cao chất lượng hỗ trợ của Tòa án đối với Trọng tài theo quy định của Luật TTTM năm 2010, nâng cao chất lượng phán quyết Trọng tài, đảm bảo thi hành phán quyết Trọng tài trên thực tế có hiệu quả, hạn chế tình trạng lạm dụng hủy phán quyết Trọng tài thiếu cơ sở pháp lý cần thiết.

*Ba là*, hoàn thiện hơn quy định pháp luật Trọng tài về vấn đề thỏa thuận Trọng tài vô hiệu. Luật Trọng tài thương mại cần bổ sung, quy định cụ thể về Tòa án xem xét quyết định của Hội đồng Trọng tài về thỏa thuận Trọng tài vô hiệu. Trong thời gian qua, Tòa án xem xét để thỏa thuận Trọng tài vô hiệu hay là không, thì Hội đồng Trọng tài nên tạm dừng tổ tụng vì trong thời gian này nếu vẫn tiếp tục các bên sẽ không đạt được kết quả như mong đợi, vì một trong các bên đã không tin tưởng Trọng tài mà đã yêu cầu Tòa án xem xét tuyên thỏa thuận Trọng tài vô hiệu. Mà nếu có đạt hiệu quả thì Tòa án tuyên vô hiệu thỏa thuận Trọng tài thì phán quyết đó sẽ không có giá trị thi hành trên thực tế.

*Bốn là*, hoàn thiện quy định về Trọng tài viên. Cần nâng cao được chất lượng, phát triển số lượng Trọng tài viên giỏi về chuyên môn, có trình độ, năng lực trong lĩnh vực thương mại. Tiếp đến là các tiêu chuẩn chuyên môn không nên có, mà cần loại bỏ ra khỏi Luật TTrọng tài thương mại thay vào đó thực hiện bằng các biện pháp khác.

*Năm là*, cần nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự, kinh doanh- thương mại góp phần khắc phục những bất cập đang còn tồn tại trong thực tiễn. Các hàm ý trên cũng đưa ra những bất cập về quy định bên yêu cầu thi hành án phải có bằng chứng về việc phán quyết Trọng tài đã có giá trị thi hành. Thực tế, bên yêu cầu thi hành án có những khó khăn nhất định để biết thông tin Tòa án có đang thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài hay không. Trong khi bên phải thi hành phán quyết Trọng tài là chủ thể nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài và Tòa án có thẩm quyền xem xét hủy phán quyết Trọng tài lại có thể dễ dàng cung cấp thông tin liên quan. Do đó, quy định việc lấy thông tin từ bên phải thi hành phán quyết Trọng tài hoặc Tòa án sẽ hợp lý hơn, có thể thấy vấn đề này đã phản ánh đúng phần nào những bất cập trong việc giải quyết yêu cầu thi hành phán quyết TTTM trong thực tiễn hiện nay

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Quy định về việc áp dụng và thực hiện Luật Trọng tài thương mại kể từ khi có hiệu lực đến nay cũng đã có nhiều điểm tiến bộ, tương thích với luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần thực trạng, Luật Trọng tài thương mại vẫn còn có một số bất cập, vì vậy mà ở chương này em đã đưa ra hướng hoàn thiện, giải pháp nâng cao chất lượng của Trọng tài. Hoàn thiện về chính sách pháp luật về các quy định đổi mới phù hợp với quan điểm, chủ trương của Nhà nước trong việc cải cách, đổi mới nề Tư pháp trong nước. Đưa ra một số khuyến nghị để phát triển Trọng tài thương mại nói chung và giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài nói riêng thông qua một số vấn đề như: hoàn thiện pháp luật về thỏa thuận Trọng tài vô hiệu, nâng cao chất lượng đội ngũ Trọng tài viên, thi hành phán quyết Trọng tài, v..v. Từ đó cần thực hiện các giải pháp song song, đồng bộ và khả thi từ các giải pháp về pháp luật đến các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp bằng phương thức Trọng tài, tùy theo từng đối tượng chủ thể khác nhau để hoàn thiện hơn.

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế nước ta hiện nay, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ngày càng tăng và có xu hướng phát triển mạnh, hoạt động thương mại từ đó cũng ngày càng sôi nổi, song song với đó là tranh chấp thương mại giữa các nhà đầu tư và thương nhân cũng ngày càng nhiều. Đây là vấn đề được coi là hết sức bình thường trong đời sống, thương mại, điều quan trọng nhất là làm thế nào để giải quyết nó một cách êm đẹp, triệt để, thì Nhà nước phải tập hành lang pháp lý để giải quyết các tranh chấp này.

Xuất phát từ mục đích đổi mới đường lối chính sách của Đảng để xây dựng nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó có hoàn thiện cơ sở pháp lý quan trọng cho việc phát triển cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài để đáp ứng nhu cầu cần thiết của các doanh nghiệp. Khuyến khích sử dụng Trọng tài trong đời sống kinh tế-xã hội nhằm giảm bớt gánh nặng của Tòa án trong hoạt động xét xử. Cùng với đó Luật Trọng tài thương mại năm 2010 ra đời đã thể hiện được xu hướng phát triển tất yếu của Trọng tài Việt Nam trước những yêu cầu đặt ra trong nước và bối cảnh hội nhập quốc tế.

Giải quyết tranh chấp thương mại đang là một vấn đề đáng quan tâm nhất là bằng hình thức Trọng tài. Tại các trung tâm Trọng tài thương mại trong nước vấn đề tranh chấp xảy ra trong nhiều lĩnh vực không chỉ là thương mại, tuy nhiên vấn đề liên quan đến thương mại chiếm số ít bởi vẫn còn có một số bất cập, vướng mắc. Cụ thể là vai trò hỗ trợ và giám sát của Tòa án đối với Trọng tài, hủy Phán quyết Trọng tài, đội ngũ Trọng tài viên, rồi vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết nước ngoài tại Việt Nam. Tất cả những thực trạng liên quan đến những vấn đề trên đều là do Luật Trọng tài thương mại còn chưa có một số quy định cụ thể, rõ ràng vẫn còn chung chung nên dẫn đến tình trạng là các bên tranh chấp không hài lòng với Trọng tài.

Nhìn nhận vấn đề giải quyết tranh chấp thương mại tại Trung tâm Trọng tài quốc Việt Nam có thể thấy nhiều trường hợp có thể hủy phán quyết Trọng tài, có thể có/không công nhận phán quyết Trọng tài nước ngoài, cũng không thể phủ nhận là Trọng tài là hình thức không có lợi, đôi khi nó là lựa chọn tốt hơn so với Tòa án nhưng cũng phải cần xem xét nhiều góc độ để áp dụng được vào thực tiễn.

Một lần nữa, cũng phải khẳng định lại rằng giải quyết tranh chấp bằng phương thức Trọng tài có ưu điểm nhưng cũng có hạn chế, bất cập. Và để phát triển hơn Trọng tài đối với đời sống kinh tế-xã hội hiện nay cần có sự dẫn dắt của Đảng, Nhà nước, cần xây dựng, hoàn thiện được các quy định của Luật có liên quan đến Trọng tài và nhất là Luật Trọng tài thương mại. Đưa ra được hướng hoàn thiện, giúp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp thương mại tại Việt Nam, và cũng không quên rằng hội nhập, phát triển với nền kinh tế thế giới để tiếp thu cái mới và phát huy cái tốt đẹp vốn có của Trọng tài.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

[1] Ban chấp hành Trung ương (2022), Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

[2] Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến 2020.

[3] Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

[4] Ngô Quốc Chiến, Tạp chí nghiên cứu lập pháp ngày 29/03/2021

[5] Cơ quan Tòa án nhân dân Tối cao, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử ngày 05/03/2018.

[6] Chính Phủ (2011), Nghị định 63/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

[7] Công ước Newyork năm 1958 về Công nhận và Thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài (NewYork Convention).

[8] Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2014), Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định luật Trọng tài thương mại.

[9] Nhà xuất bản Tư pháp, Giáo trình Luật thương mại Việt Nam II, Hà Nội 2022.

[10] Luật mẫu UNCITRAL ban hành vào năm 1958, sửa đổi ngày 07 tháng 07 năm 2006.

[11] Quốc hội (2015), Bộ luật dân sự năm 2015.

[12] Quốc hội (2015), Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[13] Quốc hội (2005), Luật thương mại năm 2005.

[14] Quốc hội (2010), Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

[15] Quốc hội (2014), Luật thi hành án dân sự năm 2014.

### Tiếng Anh:

[1] Cathleen Cover Payne, *Enforceability of Mediated Agreements*, Journal on Dispute Resolution.

[2] Jonathan Yeun and Ang Tze Phen, *Mediation 2021: Singapore*, Rajah & Tann Asia.

- [3] Jelita Pandjaitan and Melvion Sng, *Commercial Mediation in Singapore*, 2022.
- [4] Micheal Edwards and Michael P. Taunton, *Practical Law Arbitration*, 2021.
- [5] Tay Yong Seng and Vera Anne Poi, *Enforcement of Arbitral Awards in Singapore*, Thomson Reuters Practical Law, 2020.

### **Danh mục các Website tham khảo**

- [1] <https://mcac.vn/hoi-nhap-kinh-te-quoc-te>
- [2] <https://hocvientuphap.edu.vn/tapchingheluat/Lists/CacSoDaXuatBan/Attachments/174/TapchiNgheluat%20so6%202020.pdf>.
- [3] <https://tapchitoaan.vn/van-de-thuc-thi-phan-quyet-cua-trung-tam-trong-tai-thuong-mai-quoc-te-nhung-vuong-mac-va-kien-nghi7437.html>
- [4] <http://dzungsrt.com/wp-content/uploads/2015/03/20150831-Du-thao-Tham-Luan-tong-ket-thi-hanh-LTTTM-updated-clean.pdf>
- [5] <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chitiettin.aspx?ItemID=1911&l=Nghiencuu-traodoi>
- [6] <https://www.viac.vn/>
- [7] [https://www.viac.vn/images/Resources/Legal-Research-and-Study/20722\\_Thuc-tien-thi-hanh-luat-trong-tai/Papers\\_Bao-cao-10-nam-Luat-Trong-tai-thuong-mai\\_VADuong.pdf](https://www.viac.vn/images/Resources/Legal-Research-and-Study/20722_Thuc-tien-thi-hanh-luat-trong-tai/Papers_Bao-cao-10-nam-Luat-Trong-tai-thuong-mai_VADuong.pdf)
- [8] <https://letranlaw.com/vi/insights/giai-quyet-tranh-chap-bang-trong-tai-thuong-mai-tai-viet-nam/>
- [9] <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/bien-phap-giai-quyet-tranh-chap-quoc-te-thong-qua-trong-tai-quoc-te-va-kha-nang-ap-dung-khi-viet-nam-la-mot-ben-tham-gia-tranh-chap-115435.htm>
- [10] <https://mcac.vn/trong-tai>
- [11] <https://cnccounsel.com/an-pham/giai-quyet-tranh-chap/giai-quyet-tranh-chap-tai-trung-tam-trong-tai-quoc-te-viet-nam>
- [12] <https://mcac.vn/hoi-nhap-kinh-te-quoc-te>
- [13] <https://luatsuphamtuananh.com/giai-quyet-tranh-chap/giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-bang-trong-tai-va-thuc-tien-tai-viet-nam/>
- [14] <http://luatnvv.com.vn/giai-quyet-tranh-chap-tai-trung-tam-trong-tai-quoc-te-viet-nam-TreVietLaw.html>